

Học viện Đa Minh

**CỬ HÀNH
CÁC MẪU NHIỆM KITÔ GIÁO**

(Giáo lý Hội thánh Công giáo – Phần II)

BẢN CHẤT VÀ NỘI DUNG CỦA PHỤNG VỤ KITÔ GIÁO

I. PHỤNG VỤ

1. Tại sao có Phụng vụ ?

Trong kinh Tin Kính, Hội Thánh tuyên xưng mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi và ý định nhân từ của Người (Ep 1,9) về công trình sáng tạo: Chúa Cha hoàn tất “mầu nhiệm của Thánh ý” bằng cách trao ban Con Một Yêu Dấu và Thánh Thần để cứu độ nhân loại và tôn vinh Thánh Danh. Đó chính là mầu nhiệm Chúa Kitô được mặc khải và thực hiện trong lịch sử theo một chương trình và là sự xếp đặt khôn ngoan của Thiên Chúa.

Công cuộc cứu chuộc nhân loại và tôn vinh Thiên Chúa đã được tiên báo trong Cựu Ước, nay được Chúa Kitô hoàn tất nhờ cuộc vượt qua hồng phúc của Người (chết - sống lại - lên trời), nhờ đó, Người đã chết để tiêu diệt sự chết và sống để tái lập sự sống cho chúng ta. Vì vậy trong Phụng vụ điều chính yếu Hội Thánh cử hành là mầu nhiệm Vượt Qua, mầu nhiệm Đức Kitô hoàn tất công trình cứu độ chúng ta.

Trong Phụng vụ, Hội Thánh loan truyền và cử hành mầu nhiệm Chúa Kitô, để các tín hữu sống và làm chứng mầu nhiệm này trên toàn thế giới.

2. Phụng vụ là gì ?

Theo Công Đồng Vatican II : Trong công cuộc vĩ đại tôn vinh Thiên Chúa cách hoàn hảo và thánh hóa mọi người, Chúa Kitô hằng kết hiệp với Hội Thánh là hiền thê rất quý yêu và Hội Thánh kêu cầu Người như Chúa của mình và nhờ Người mà phụng thờ Chúa Cha hằng hữu.

Vì thế, Phụng vụ đáng được xem là việc thực thi chức vụ tư tế của chính Chúa Giê-su Ki-tô, trong đó công cuộc thánh hóa con người được biểu tượng nhờ những dấu chỉ khả giác và thể hiện hữu hiệu cách khác nhau theo từng dấu chỉ, và trong đó việc phụng tự công cộng (đối với Cựu Ước, qui tụ là dấu chỉ được giải thoát, được cứu độ) vẹn toàn được thực thi nhờ Nhiệm Thể Chúa Ki-tô, nghĩa là gồm cả Đầu cùng các chi thể của Người.

3. Năm Phụng vụ

Năm Phụng vụ kéo dài từ Chúa Nhật thứ I Mùa Vọng cho đến hết tuần lễ Chúa Ki-tô Vua, gồm các mùa : Mùa Vọng, Mùa Giáng Sinh, Mùa Chay, Mùa Phục Sinh, và Mùa Thường Niên.

Qua chu kỳ năm Phụng vụ, Hội Thánh muốn diễn tả toàn bộ mầu nhiệm Chúa Ki-tô từ Nhập Thể... cho đến Chúa Thánh Thần hiện xuống, cùng với sự mong đợi ngày Chúa lại đến trong vinh quang.

II. Bản Chất Và Nội Dung Phụng Vụ

1. Bản chất

Phụng vụ là công trình của Thiên Chúa Ba Ngôi, nhưng cũng là việc cử hành của Giáo hội. Nên Phụng vụ là đỉnh cao và nguồn mạch của đời sống đức tin Ki-tô giáo, nơi đó, người tín hữu sống tương quan với Thiên Chúa, kết hợp đời sống của mình trong mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi: dâng lên Chúa những dự phóng, khó khăn, thành công, thất bại... đồng thời, đón nhận ân sủng từ Thiên Chúa.

Nên có thể nói bản chất của Phụng vụ là sức sống thiêng liêng nuôi dưỡng đức tin nơi người tín hữu.

1. Nội dung của Phụng vụ

a. Thánh lễ

Toàn bộ đời sống của người Kitô hữu xoay quanh hy tế của Chúa Kitô: Chết và sống lại. Đến với Thánh lễ, người tín hữu được Lời Chúa hướng dẫn, được Mình và Máu Thánh Chúa làm lương thực dưỡng nuôi. Qua tiếng chuông nhà thờ, TC là người mời gọi và qui tụ tín hữu thành cộng đoàn, thành dân của Người. Đồng thời, Người hiện diện ở giữa, để hướng dẫn và ban ân sủng cho dân hưởng bình an.

Với người tín hữu, Thánh lễ Chúa Nhật rất quan trọng, vì là Ngày của Chúa, tưởng niệm Ngày Chúa Phục Sinh. Vì thế, Ngày Chúa Nhật là nền tảng và trung tâm của năm Phụng vụ.

b. Các Bí tích

Các bí tích do Chúa Kitô thiết lập là vì nhu cầu thiêng liêng của con người.

Với các bí tích Khai tâm Kitô giáo (Thanh Tẩy, Thánh Thể và Thêm Sức), người tín hữu được Thiên Chúa thương ban hồng ân. Khi đón nhận, người tín hữu được kiện toàn trong đức tin, gia tăng trong đức cậy và lớn mạnh trong đức mến.

Các bí tích không chỉ nuôi dưỡng cá nhân, mà còn chữa lành những thương tích thiêng liêng (Hoà Giải, Xức dầu), hơn nữa còn góp phần thăng tiến cộng đoàn (Hôn Phối và Truyền Chức).

c. Các giờ kinh Phụng vụ

Các giờ kinh Phụng vụ (GKPV) là kinh nguyện chính thức của Hội thánh dâng lên Thiên Chúa, với mục đích:

- Thánh hoá thời gian trong ngày và thánh hoá đời sống con người.
- Qua các GKPV, Giáo hội thi hành chức năng tư tế của Đức Kitô. Đồng thời, Giáo hội dâng lên Chúa những lời cầu xin

tha thiết cho mọi nhu cầu của nhân loại, cho mọi thành phần của Giáo hội.

- Nhờ đọc các GKPV, người tín hữu được thánh hoá và đón nhận ân sủng Chúa ban.

- Khi tham dự các GKPV, người tín hữu được nếm Phụng vụ thiên quốc, được hợp tiếng với các thần thánh trên trời ca tụng, tôn vinh Thiên Chúa.

Các GKPV là kinh nguyện của Giáo hội, nên dù đọc một mình cũng là nhân danh Giáo hội tôn vinh, chúc tụng Chúa và kêu xin Người.

d. Các hình thức khác

Các hình thức khác theo truyền thống địa phương được Đấng bản quyền (Đức Giám mục) chấp thuận như : hành hương, đọc kinh Mân Côi, việc đền tạ Thánh Tâm, làm việc kính nhớ các thánh, rước kiệu, ngắm 15 sự thương khó... cũng được kể là việc cử hành Phụng vụ (theo nghĩa rộng). Nhưng đừng để những việc cử hành mang tính đạo đức này lấn át việc cử hành Phụng vụ mang tính chính thức của Hội thánh.

2. Tương quan giữa Phụng vụ và những hoạt động khác

Công đồng Vaticanô II đã xác định: *Phụng vụ là tột đỉnh qui hướng mọi hoạt động của Giáo hội, đồng thời là nguồn mạch tuôn trào mọi năng lực của Giáo hội.*¹

Như thế, Phụng vụ là trung tâm qui hướng và chuẩn bị cho mọi hoạt động khác như : bác ái xã hội, hoạt động tông đồ, sinh hoạt trần thế... đạt mức độ cao hơn như chính hoạt động ấy đòi hỏi. Việc cử hành Phụng vụ cách thường xuyên sẽ nuôi dưỡng đời sống tông đồ, làm cho đời sống tông đồ trở nên phong phú và

¹ CĐ. Vat. II, HCPV, số 10.

đạt hiệu quả hơn, nhờ kết hiệp với Chúa Kitô và lãnh nhận ân sủng của Người.

Tóm lại : Phụng vụ là trung tâm đời sống đức tin của người tín hữu. Nơi ấy, người tín hữu kết hiệp cách thân mật hơn với Chúa Kitô và hiệp thông với anh chị em trong ân sủng.

Khi tham dự cử hành Phụng vụ, người tín hữu bày tỏ đức tin của mình cách cụ thể nhất. Và khi cùng nhau tham dự cử hành Phụng vụ, người tín hữu được Thiên Chúa qui tụ thành dân của Người, được Lời Người hướng dẫn hầu củng cố đức tin, được nuôi dưỡng lòng đạo đức và gia tăng đức mến.

Đời sống Phụng vụ không đặt trên hình thức (dù nghi lễ là yếu tố cần thiết để diễn tả Phụng vụ), mà đặt trên nền tảng là Đức Kitô và sự kết hiệp với Ngài. Do đó, *Mẹ Giáo hội tha thiết ước mong toàn thể tín hữu được hướng dẫn cử hành Phụng vụ cách trọn vẹn, ý thức, và linh động.*²

² CĐ. Vat. II. HCPV, số 14.

CỬ HÀNH PHỤNG VỤ CỦA HỘI THÁNH

Phụng vụ là “hoạt động” của Chúa Giêsu, Vị tư tế của giao ước mới, nên những ai đang cử hành Phụng vụ qua các dấu chỉ hữu hình là tham gia vào mầu nhiệm thiên quốc.

Vì thế, các việc cử hành Phụng vụ không phải là những “hoạt động” riêng tư, nhưng là cử hành của Hội Thánh (Bí tích hiệp nhất), tùy theo phẩm trật và phận vụ mà tham dự cử hành Phụng vụ cách sống động.

1. Ai cử hành ?

Cộng đoàn Phụng vụ là cộng đoàn của những người tin, của những người đã chịu phép Rửa tội: nhờ sự tái sinh và xức dầu thánh, người tín hữu được thánh hiến để thông dự vào chức tư tế (tư tế cộng đồng) của Chúa Giêsu, trở thành dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa.³

Dù mọi Kitô hữu đều là chi thể của Chúa Giêsu, nhưng không có cùng một chức năng như nhau, mà một số người đã được Thiên Chúa mời gọi, thánh hiến cách đặc biệt qua Bí tích Truyền Chức, để đại diện cộng đoàn dâng hy lễ mỗi ngày cho Thiên Chúa. Chúa Thánh Thần làm cho họ có khả năng hành động, nói lời của Chúa Giêsu. Vì thế, trong Thánh lễ, giám mục là người chủ sự, hiệp thông với ngài là thừa tác vụ linh mục và phó tế.

Còn các tín hữu khi tham dự cử hành Phụng vụ, tùy theo phận vụ của mình, chỉ làm và làm trọn vẹn những gì bản chất sự việc và những qui tắc Phụng vụ qui định cho mình. Ví dụ: Giáo

³ Xc. 1 Pr 2,9

dân không thể đọc phúc âm, giảng giải Lời Chúa, đọc kinh Tạ Ơn, tự tiện lên mở cửa nhà tạ... trong Thánh lễ.

2. Cử hành như thế nào ?

Ngôn ngữ, cử chỉ, hành động... là những dấu chỉ diễn tả trong giao tiếp giữa con người với nhau. Trong tương giao với Thiên Chúa cũng vậy, Phụng vụ giáo hội cũng dùng ngôn ngữ (Lời Chúa, lời kinh được đọc lên, tiếng hát, lời tung hô, kinh tin kính...), cử chỉ (xức dầu, giang tay, cúi đầu, đặt tay...), hành động (bẻ bánh, chia sẻ chén rượu, rước lễ...) để bày tỏ lòng tôn kính Thiên Chúa, đồng thời, diễn tả sự hiện diện và thánh hoá của Thiên Chúa. Song Phụng vụ Lời Chúa là phần cốt yếu trong các cử hành Bí tích, để nuôi dưỡng đức tin nơi các tín hữu.

Thiên Chúa không có thân xác, không có diện mạo, nên tuyệt đối không thể diễn tả bằng hình ảnh, nhưng Thiên Chúa đã mặc lấy xác phàm và sống giữa loài người, nên có thể hoạ lại hình ảnh của Thiên Chúa, để thấy *con người được tạo thành theo hình ảnh của Thiên Chúa*.⁴ Như cảnh thiên nhiên làm lòng người rạo rực, thì các ảnh tượng dùng trong Phụng vụ thúc đẩy ta cầu nguyện, giúp ta dễ dàng nâng hồn lên cùng Chúa.

3. Cử hành khi nào ?

Căn cứ theo sự sắp xếp của Phụng vụ Giáo hội, chúng ta có ngày Phụng vụ và chu kỳ năm Phụng vụ:

⁴ Tất cả các dấu chỉ dùng trong Phụng vụ đều qui hướng về Chúa Kitô. Kinh thánh dùng lời nói để truyền đạt sứ điệp Tin mừng, còn ảnh tượng dùng hình ảnh. Như vậy, lời nói và hình ảnh bổ sung cho nhau.

3.1 Ngày Phụng vụ

Ngày Phụng vụ được phân chia thành 3 loại như sau:

a. Chúa nhật

Theo truyền thống Giáo hội, ngày Chúa nhật được gọi là Ngày của Chúa, ngày dành để tôn kính mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô: chết và phục sinh.

Theo truyền thống của Giáo hội (các tín hữu tiên khởi đã sống), ngày Chúa nhật bắt đầu từ chiều ngày hôm trước (khi mặt trời lặn), nên đi lễ chiều thứ bảy được kể là đã chu toàn luật đi lễ ngày Chúa nhật.

b. Lễ trọng – Lễ kính – Lễ nhớ

Theo niên lịch Phụng vụ, chúng ta có:

- 17 lễ trọng: 9 lễ về Chúa,⁵ 4 lễ về Đức Mẹ,⁶ 4 lễ về các thánh.⁷
- 27 lễ kính: 6 lễ về Chúa,⁸ 2 lễ về Đức Mẹ,⁹ 19 lễ về các thánh.¹⁰
- Lễ kính nhớ các thánh gồm lễ nhớ buộc và lễ nhớ tự do.

⁵ Lễ Phục sinh, Giáng sinh, Hiển linh, Thăng thiên, Hiện xuống, Ba Ngôi, Minh Máu Chúa, Thánh Tâm Chúa, Kitô Vua.

⁶ Lễ Mẹ Thiên Chúa (1/1), Truyền tin (25/3), Hồn xác lên trời (15/8), Vô nhiễm nguyên tội (8/12).

⁷ Lễ thánh cả Giuse (19/3), Sinh nhật thánh Gioan Tẩy Giả (24/6), Phêrô và Phaolô (19/6), Các thánh nam nữ (1/11).

⁸ Lễ Thánh gia thất, Dâng Chúa trong đền Thánh (2/2), Chúa chịu phép rửa, Chúa biến hình (6/8), Suy tôn thánh giá (14/9), Cung hiến tđ. Latêranô (9/11).

⁹ Lễ Đức Mẹ thăm bà Êlisabét (31/5), Sinh nhật Đức Mẹ (8/9).

¹⁰ Lễ thánh Phaolô trở lại (25/1), Lập tông toà thánh Phêrô (22/2), Máccô (25/4), Philipphê và Giacôbê (3/5), Mathia (14/5), Tôma (3/7), Giacôbê (25/7), Lôrenxô (10/8), Batôlômêô (24/8), Máthêu (21/9), Các tổng lãnh thiên thần (29/9), Têrêxa Hải đồng Giêsu (1/10) Luca (18/10), Simon và Giuđa (28/10) Anrê (30/11), Phanxicô Xaviê (3/12), Têphanô (26/12), Gioan (27/12), Các thánh anh hài (28/12).

c. Ngày trong tuần

Những ngày sau Chúa nhật được gọi là ngày trong tuần, những ngày này được cử hành khác nhau, tùy theo mức độ quan trọng. Ngày thứ Tư lễ tro và thứ Sáu tuần thánh là hai ngày quan trọng. Các ngày từ ngày 17 – 23. 12 (giai đoạn II của Mùa Vọng), và các ngày trong tuần Mùa Chay chiếm ưu tiên hơn các ngày lễ nhớ buộc

3.2 Chu kỳ năm Phụng vụ

Chu kỳ trong năm Phụng vụ được Giáo hội sắp xếp như sau:

a. Mùa vọng

Mùa vọng là mùa chuẩn bị lễ trọng Giáng sinh, kính nhớ mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập thể đến với con người, để qua việc kính nhớ này, các tín hữu hướng lòng trông đợi Chúa Kitô đến lần thứ hai vào ngày tận thế.

Mùa vọng bắt đầu từ Kinh chiều I CN I MV đến Kinh trưa ngày 24 tháng 12.

b. Mùa Giáng sinh

Đây là những ngày vui mừng kính nhớ sự kiện Chúa Giáng sinh và những lần tỏ mình đầu tiên của Người.

Mùa Giáng sinh bắt đầu từ Kinh chiều I lễ Giáng sinh đến hết Kinh chiều II lễ Chúa Hiển Linh.

c. Mùa Chay

Giáo hội dùng 40 ngày chay thánh để mời gọi các tín hữu chuẩn bị tâm lòng kính nhớ mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Kitô. Trong thời gian này, ta cần để ý đến tinh thần của chay tịnh hơn là hình thức ăn chay như thế nào cho đúng.

Mùa Chay bắt đầu từ Thứ Tư Lễ Tro đến trước Thánh lễ Tiệc Ly chiều Thứ Năm Tuần Thánh.¹¹

d. Mùa Phục sinh

Mùa Phục sinh kéo dài 50 ngày, là thời gian vui mừng, các tín hữu phấn khởi cử hành mầu nhiệm Phục sinh của Chúa Kitô, Đấng chiến thắng sự chết, khai mở sự sống mới trong vinh quang.

Mùa Phục sinh bắt đầu từ Canh thức Vượt Qua đến hết Kinh chiều II lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống.

e. Mùa thường niên

Mùa thường niên khoảng 33 hay 34 tuần lễ. Trong mùa này, Phụng vụ Giáo hội không cử hành mầu nhiệm đặc biệt nào của Chúa Kitô, nhưng lại tôn kính chính mầu nhiệm Chúa Kitô trong toàn bộ, nhất là trong các ngày Chúa nhật.¹²

4 Cử hành ở đâu ?

Theo thánh Phêrô: các tín hữu chính là những viên đá sống động, để xây nên ngôi đền thờ thiêng liêng (1 Pr 2, 4). Như vậy, bất cứ nơi nào, các tín hữu qui tụ thành một thì đó là đền thờ thiêng liêng của Thiên Chúa hằng sống.

Song để dễ dàng tôn thờ Thiên Chúa, các tín hữu có thể xây dựng những nơi dành riêng cho việc thờ phượng Chúa là nhà thờ, nhà nguyện... nơi cử hành và cất giữ Thánh Thể, nơi thể hiện sự hiện diện của Con Thiên Chúa cách rõ nét.

Do đó,

Nhà thờ là nơi Hội thánh địa phương cử hành việc thờ phượng công khai, để tôn vinh Thiên Chúa ba Ngôi, lắng nghe Lời Chúa, ngợi khen chúc tụng, dâng lên Chúa những lời nguyện

¹¹ Qui chế Tổng quát Sách Lễ Rôma, số 28.

¹² Qui luật tổng quát về Năm Phụng vụ và Niên lịch, số 43.

chân thành và hy tế của Chúa Kitô, Đấng qui tụ và hiện diện giữa cộng đoàn.

Nhà thờ là nơi các tín hữu dễ hồi tâm, suy niệm để gặp gỡ, thưa chuyện với Chúa. Đồng thời là nơi các tín hữu đón nhận và nuôi dưỡng đức tin, hiệp thông nên một trong Chúa.

Tóm lại

Phụng vụ là công trình của Thiên Chúa Ba Ngôi, trong đó: Chúa Cha, Đấng được tôn thờ như nguồn mạch và cùng đích của Phụng vụ; Chúa Kitô thực hiện mầu nhiệm cứu độ; và Chúa Thánh Thần chuẩn bị cho cộng đoàn gặp gỡ Chúa Kitô và tỏ bày mầu nhiệm của Người.

Phụng vụ giáo hội đã sử dụng các dấu chỉ và biểu tượng từ thiên nhiên (ánh sáng, nước, lửa...), từ đời sống của con người (rửa, xúc dầu, bẻ bánh...) và từ lịch sử cứu độ (nghi thức Vượt Qua của người Do thái) để diễn tả niềm tin vào một Thiên Chúa duy nhất.

Phụng vụ Giáo hội đã cử hành mầu nhiệm Chúa Kitô qua chu kỳ năm, từ Nhập thể, thương khó, phục sinh... đến Thăng thiên và chờ đợi ngày Chúa trở lại trong vinh quang.

Và trong khi cử hành mầu nhiệm Chúa Kitô theo chu kỳ, Phụng vụ Hội thánh cũng tôn kính Đức Maria và dành cho ngài một vị trí đặc biệt. Bên cạnh đó, Giáo hội cũng kính nhớ các thánh tông đồ, tử đạo, hiền tu, trinh nữ... như gương sáng mời gọi các tín hữu sống trung thành với những gì đã tuyên tín trong ngày rửa tội. Trong các cử hành Phụng vụ, Thánh lễ là trung tâm, nên được ưu tiên hơn các việc đạo đức khác.

KHÁI QUÁT VỀ CÁC BÍ TÍCH

I. Tìm Hiểu Chung Về Bí Tích

1. Khái niệm

Các bí tích là những dấu chỉ hữu hiệu của ân sủng do Chúa Kitô thiết lập và ủy thác cho Hội Thánh. Qua các bí tích, Thiên Chúa ban cho chúng ta sự sống thần linh. Các nghi thức hữu hình dùng để cử hành bí tích, biểu thị và ban ân sủng riêng của từng bí tích, đồng thời, để củng cố đức tin và thể hiện sự phụng thờ Thiên Chúa.

a. Xét về chủ thể

Hội Thánh tuyên xưng Chúa Giêsu là chủ thể của các bí tích, chính Người thiết lập, chủ động trong việc cử hành (tha tội, dâng hy lễ...), còn Hội thánh chỉ đóng vai trò thừa hành qua linh mục thừa tác.

b. Xét về cơ cấu

Có thể nói các bí tích gồm hai phần, một phần là những dấu chỉ hữu hình (nước, dầu, bánh...), phần khác là những thực tại thiêng liêng vô hình.

c. Công hiệu của các bí tích nói chung

- Tuyên xưng và củng cố đức tin. Các bí tích biểu lộ tình yêu Thiên Chúa muốn cứu độ hết mọi người.
- Phụng thờ Thiên Chúa qua việc thờ lạy, chúc tụng, tạ ơn.
- Thánh hóa con người qua việc thông ban ơn thánh.
- Kiến tạo, củng cố, phát triển sự hiệp thông trong Hội Thánh.

2. Những điều kiện căn bản để lãnh nhận các bí tích

Không kể đến những điều kiện về sự chuẩn bị đạo đức thiêng liêng cho từng bí tích (sẽ nói riêng ở mỗi bí tích), có hai điều kiện căn bản sau :

- Đã lãnh nhận bí tích Rửa Tội : đã trở nên phần tử của Giáo hội. Ai chưa lãnh bí tích Rửa Tội, không thể lãnh nhận các bí tích khác hữu hiệu được (điều kiện để lãnh bí tích Rửa Tội sẽ nói khi bàn về bí tích này).

- Hiệp thông với Hội Thánh : chúng ta biết rằng bí tích là dấu chỉ của sự hiệp thông trong Hội Thánh. Vì lý do đó, Hội Thánh Công giáo không cho phép ban bí tích cho những người không hiệp thông với mình : điều này áp dụng cho những người công giáo bị vạ tuyệt thông, và các tín hữu ngoài Hội Thánh Công giáo. Việc khước từ bí tích không phải là hình phạt, mà là sự thú nhận một cách đau đớn rằng giữa các tín đồ của Đức Kitô chưa có sự hiệp thông trọn vẹn nên không thể cử hành bí tích được. Ngược lại, các tín hữu Công giáo không được phép lãnh nhận các bí tích của các Hội Thánh không phải Công giáo.

3. Dầu thánh

Một số bí tích khi cử hành cần có dầu thánh. Có ba thứ dầu thánh: dầu “crisma” (SC), dầu dự tòng (OS) và dầu bệnh nhân (OI). Cả ba được đức giám mục giáo phận làm phép trong thánh lễ đồng tế với các linh mục sáng thứ Năm Tuần Thánh tại nhà thờ Chánh tòa. Sau đó các linh mục sẽ lãnh dầu về nhà thờ của mình. Hàng năm phải thay dầu mới.

Nói chung, ý nghĩa của việc xức dầu nhằm bày tỏ sự tham dự của mỗi người tín hữu vào chúc tụng của Đức Kitô. Theo nguyên gốc Hy-lạp, tiếng Kitô có nghĩa là người được xức dầu. Trong Kinh Thánh, việc xức dầu có ý nghĩa tấn phong làm ngôn sứ, tư tế và vua .

Thông thường, dầu Crisma dùng trong Bí tích Rửa Tội, Thêm Sức và Truyền Chức. Dầu dự tòng dành cho việc chuẩn bị lãnh bí tích Rửa Tội, Dầu bệnh nhân dùng trong bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân.

4. Quyền lãnh các bí tích

Theo giáo luật điều 843, 1 : Ai có đủ hai điều kiện cần bàn về việc lãnh nhận các bí tích là đã rửa tội và hiệp thông với Hội Thánh Công giáo, cùng với các điều kiện qui định cho mỗi bí tích, thì người ấy có quyền được lãnh bí tích.

II. Đặc Tính Chung Của Các Bí Tích

1. Bí tích của Đức Kitô

Dựa vào giáo lý của Kinh Thánh, các truyền thống tông đồ và sự đồng tâm nhất trí của các giáo phụ, giáo hội tuyên tín rằng “*các bí tích của Giao Ước Mới đều do Chúa Giêsu lập*”.

Những lời nói và hành động của Chúa Giêsu trong đời sống ẩn dật cũng như công khai, đều có giá trị cứu chuộc. Các mầu nhiệm trong đời sống của Đức Kitô là nền tảng cho những gì người ban qua các bí tích nhờ các thừa tác viên của Hội Thánh.

Các bí tích là “những kỳ công của Thiên Chúa” trong giao ước mới và vĩnh cửu, vì là “sức lực phát xuất” từ thân xác Đức Kitô, luôn sống động, ban phát sự sống, và là những tác động của Chúa Thánh Thần, Đấng hoạt động trong thân thể Chúa Kitô là Hội Thánh.

2. Bí tích của Hội thánh

Nhờ tác động của Chúa Thánh Thần, Hội Thánh dần dần nhận ra kho tàng quý báu đã nhận từ Đức Kitô và xác định việc phân phát kho tàng ấy như người quản lý trung tín các mầu nhiệm của Thiên Chúa. Vì vậy, theo dòng thời gian, Hội Thánh đã nhận ra rằng *có bảy bí tích đúng nghĩa do Chúa Giêsu lập*.

Các bí tích thuộc về Hội Thánh theo hai nghĩa : do Hội Thánh và cho Hội Thánh. *Do Hội Thánh* vì Hội Thánh là bí tích của Chúa Kitô, Đấng đang hoạt động trong Hội Thánh nhờ sứ vụ của Chúa Thánh Thần. *Cho Hội Thánh* vì các bí tích xây dựng Hội Thánh, chúng bày tỏ và thông truyền cho con người mẫu nhiệm hiệp thông của Thiên Chúa tình thương.

3. Bí tích đức tin

Các bí tích có mục đích thánh hóa con người, xây dựng thân thể Chúa Kitô và thờ phượng Thiên Chúa. Tuy nhiên vì là những dấu chỉ, các bí tích còn giữ vai trò huấn giáo. Không những khi cử hành các bí tích giả thiết phải có đức tin, mà còn dùng lời nói và sự vật để nuôi dưỡng, củng cố và diễn tả đức tin. Do đó được gọi là bí tích đức tin.

4. Các bí tích của ơn cứu độ

Khi được cử hành đúng đắn trong đức tin, các bí tích trao ban ân sủng mà chúng biểu hiện. Các bí tích đều hữu hiệu vì chính Đức Kitô hoạt động : chính Người hoạt động trong bí tích để ban ân sủng mà bí tích đó biểu hiện. Vì thế Hội Thánh khẳng định : các bí tích có hiệu quả do chính sự việc được thực hiện, nghĩa là có hiệu quả nhờ công trình cứu độ của Chúa Kitô đã được hoàn thành một lần dứt khoát. *“bí tích không thành sự do sự công chính của người trao ban hay người lãnh nhận, nhưng do quyền năng Thiên Chúa”*. Khi bí tích được cử hành theo ý hướng của Hội Thánh, quyền năng của Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần, hoạt động trong và qua bí tích ấy, không phụ thuộc vào sự thánh thiện của thừa tác viên. Tuy nhiên, hiệu quả của các bí tích còn tùy thuộc vào thái độ nội tâm của người lãnh nhận.

Hội Thánh khẳng định : để được ơn cứu độ người tín hữu cần đến các bí tích của Giao Ước Mới. Ân sủng bí tích là ơn Thánh Thần được Chúa Kitô ban riêng từng bí tích. Chúa Thánh

Thần chữa lành và biến đổi những ai đón nhận Người nên đồng hình đồng dạng với Con Thiên Chúa.

5. Các bí tích của đời sống vĩnh cửu

Hội Thánh họp mừng mầu nhiệm Chúa Kitô “cho đến khi người lại đến” và khi “Thiên Chúa có toàn quyền trên mọi loài”. Trong các bí tích của Chúa Kitô, Hội Thánh nhận được bảo chứng gia nghiệp của Người, đã dự phần vào đời sống vĩnh cửu, đang khi chờ đợi ngày hồng phúc, ngày Đức Kitô xuất hiện vinh quang.

Tóm kết

Các bí tích là dấu chỉ hữu hiệu của ân sủng do Chúa Kitô thiết lập và ủy thác cho Hội Thánh.

Hội Thánh cử hành các bí tích với tư cách là cộng đoàn tư tế, thừa hưởng chức tư tế từ chính Chúa Kitô.

Các bí tích củng cố và diễn tả đức tin. Đời sống bí tích sinh hiệu quả cho cá nhân cũng như cho Hội Thánh.

BÍ TÍCH THÁNH TẮY

I. Bản Chất Và Danh Hiệu

1. Bản chất

Bí tích Thánh Tẩy là nền tảng của toàn bộ đời sống Kitô hữu, là cửa ngõ dẫn vào đời sống thần linh và các bí tích khác.

Bí tích Thánh Tẩy giải thoát con người khỏi tội lỗi, tái sinh họ làm con Thiên Chúa, trở thành chi thể của Đức Kitô bằng một ấn tích không thể xoá nhoà, kết nạp vào Hội Thánh và tham dự sứ mạng của Hội Thánh.

2. Danh xưng

Thánh Tẩy hay Rửa Tội đều được dịch ra bởi từ **Baptizein** trong tiếng Hy-lạp. Từ này có nghĩa là *dìm xuống* : đây là nghi thức chính yếu trong cử hành bí tích Thánh Tẩy. Dìm xuống nước tượng trưng cho việc người lãnh bí tích Thánh Tẩy chịu mai táng trong cái chết của Đức Kitô, và từ đó cùng sống lại với Người, trở thành *thụ tạo mới* (x. 2Cr 5,17).

Thánh Phaolô gọi bí tích này là *tắm trong Thánh Thần, để được tái sinh và đổi mới* (x. Tt 3,5). Bí tích này, biểu thị và thực hiện việc tái sinh nhờ nước và Thánh Thần, nếu thiếu thì *không ai có thể vào nước Thiên Chúa* (Ga 3,5).

II. Bí Tích Thánh Tẩy Trong Công Trình Cứu Độ

1. Những hình ảnh tiên báo về bí tích Thánh Tẩy

- Trong Phụng vụ đêm vọng Phục Sinh, khi thánh hoá nước rửa tội, Hội Thánh đã long trọng nhắc lại các biến cố lớn trong lịch sử cứu độ tiên báo về bí tích Thánh Tẩy: "... *Chúa đã*

bao lần dùng nước do Chúa tạo thành để bày tỏ hiệu năng của phép Thánh Tẩy”.

- Từ khi tạo thành trời đất, nước là một thụ tạo tầm thường nhưng kỳ diệu, được coi là nguồn mạch sự sống và phong phú. Kinh Thánh cho thấy Chúa Thánh Thần ngự xuống trên nước, để nước phát sinh sự sống.

- Hội thánh nhận thấy sự kiện con tàu của ông Noe tiên báo về ơn cứu độ nhờ bí tích Thánh Tẩy.

- Đặc biệt cuộc *Vượt Qua Biển Đỏ*, sự kiện dân Israel thực sự được giải thoát khỏi kiếp nô lệ ở Ai cập, loan báo ơn giải thoát do bí tích Thánh Tẩy mang lại.

- Cuối cùng, bí tích Thánh Tẩy được tiên báo trong việc dân Israel vượt qua sông Giođan, vào nhận phần đất Thiên Chúa đã hứa cho dòng dõi Abraham (đất Canaan).

1. Phép Rửa của Đức Kitô

Để chu toàn thánh ý Thiên Chúa, Đức Giêsu đã chịu phép rửa của thánh Gioan, dành cho người tội lỗi tỏ lòng sám hối. Cử chỉ này cho thấy Đức Giêsu đã đi vào mầu nhiệm *tự hạ*. Biến cố Chúa Thánh Thần ngự xuống trên Đức Kitô và lời giới thiệu của Chúa Cha về Người Con của mình như khởi đầu một cuộc sáng tạo mới.

Trong cuộc vượt qua, Đức Kitô đã khơi nguồn bí tích Thánh Tẩy cho mọi người. Máu và nước từ chảy ra từ cạnh sườn bị đâm thủng của Người tiên báo cho về bí tích Thánh Tẩy là bí tích ban sự sống mới.

2. Bí tích Thánh Tẩy trong Hội Thánh

Ngay từ ngày Chúa Thánh Thần hiện xuống, Hội Thánh đã cử hành và trao ban bí tích Thánh Tẩy. Các Tông đồ và những

người cộng tác đã trao ban bí tích. Thánh Tẩy cho những ai tin vào Chúa Giêsu. Bí tích Thánh Tẩy luôn gắn liền với đức tin.

Những người được rửa tội *mặc lấy Đức Kitô*. Nhờ Thánh Thần, người lãnh bí tích Thánh Tẩy được *đìm xuống nước để thanh luyện, thánh hoá và công chính hoá*. Như vậy, bí tích Thánh Tẩy là việc đìm xuống nước để *Lời Chúa là hạt giống bất diệt* đâm chồi nảy lộc xanh tươi.

III. Cử Hành Bí Tích Thánh Tẩy

1. Khai tâm Kitô giáo

Ngay từ thời các Tông đồ, người dự tòng phải trải qua con đường khai tâm gồm nhiều giai đoạn. Con đường này có thể ngắn hay dài (theo thời gian), nhưng luôn hội đủ những điều chính yếu sau : loan báo Lời Chúa, đón nhận Tin Mừng và hoán cải, tuyên xưng đức tin, Rửa tội, ban Thánh Thần và lãnh nhận Thánh Thể.

Việc khai tâm này đã thay đổi qua các thời đại và tùy hoàn cảnh. Nơi nào việc rửa tội cho trẻ em đã trở nên phổ biến, thì việc ban bí tích Thánh Tẩy và giai đoạn khai tâm được cử hành cùng một lần.

2. Những nghi thức cơ bản

a. Chất liệu

Chất liệu của bí tích này là nước lã. Nước có thể dùng để tượng trưng cho sự tắm rửa thiêng liêng, tẩy sạch mọi tỳ ố trong linh hồn. Hơn nữa, nước còn là biểu tượng của sự sống, sự tái sinh. Nước rửa tội được thánh hiến bằng lời nguyện *xin ban Thánh Thần* ngay lúc cử hành hoặc trong đêm vọng Phục Sinh. Hội Thánh cầu xin Thiên Chúa nhờ con của Người, ban Thánh Thần xuống trên nước này, để những người lãnh bí tích Thánh Tẩy được *tái sinh bởi nước và Thánh Thần*.

* Ba điều kiện về nước :

- Phải là *nước tự nhiên* (điều kiện này liên quan đến sự thành hiệu) : nước hồ, nước giếng, nước mưa... Không thể dùng nước trà, nước trái cây, rượu bia, vì chúng không còn phải là nước tự nhiên nữa.

- Phải là *nước sạch* (điều kiện này liên quan đến sự hợp pháp) : không những vì lý do vệ sinh, mà còn muốn biểu lộ hiệu quả tẩy rửa của bí tích này.

- Nước phải *được làm phép* trong đêm vọng Phục Sinh hay trong chính lúc cử hành bí tích, ngoại trừ trường hợp khẩn cấp.

b. Việc đổ nước

Đây là nghi thức chính yếu của bí tích Thánh Tẩy. Nghi thức này được thực hiện bằng việc chìm vào trong nước hay đơn giản hơn bằng việc đổ nước trên đầu người lãnh bí tích. Hành động này *biểu lộ* và *thực hiện* việc người lãnh bí tích Thánh Tẩy cùng chết và cùng mai táng với Đức Kitô, để cùng được sống lại với Người.

c. Mô thức

Mô thức của bí tích này là lời lập lại chính lệnh truyền của Đức Kitô khi sai các Tông đồ đi rao giảng, theo Tin Mừng thánh Matthêu: “*Tôi rửa anh (chị) nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần*”. Chúng ta được rửa tội nhân danh Thiên Chúa Ba Ngôi là nguyên ủy và cùng đích của công trình cứu độ. Vì yêu thương Chúa Cha đã cử Chúa Con và Thánh Thần đến cứu chuộc đồng thời biến chúng ta thành dưỡng tử của Người.

3. Ý nghĩa của những nghi thức khác

- *Dấu thánh giá* ngay lúc bắt đầu nghi thức là dấu chỉ cho thấy quyền sở hữu của Chúa Kitô trên người sắp lãnh bí tích Thánh Tẩy và biểu lộ rằng chúng ta được cứu độ nhờ thánh giá.

- *Hỏi ý kiến* để người sắp lãnh nhận bí tích này công khai bày tỏ tự do và ước nguyện của mình trong việc lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy. Nếu là trẻ em, thì cha mẹ và người đỡ đầu sẽ trả lời thay.

- *Công bố Lời Chúa* soi sáng các dự tòng và cộng đoàn bằng chân lý mặc khải, đồng thời gợi lên lời đáp trả bằng đức tin vốn gắn liền với bí tích Thánh Tẩy.

- *Xức dầu dự tòng*, người cử hành bí tích sẽ đọc lời nguyện trừ tà và xúc dầu dự tòng trên người lãnh bí tích Thánh Tẩy, kể đó, người này công khai từ bỏ Xatan và mọi quyền rũ của nó.

- *Tuyên xưng đức tin*, vì là cửa ngõ dẫn vào đời sống đức tin, nên ngay từ đầu, bí tích Thánh Tẩy bao giờ cũng gắn liền với việc tuyên xưng đức tin.

- *Xức dầu thánh (crisma) trên dầu*, mang ý nghĩa người lãnh bí tích Thánh Tẩy được tham dự vào chức tư tế của Đức Kitô (việc xúc dầu này sẽ bỏ, nếu lãnh bí tích Thêm Sức liền ngay sau đó).

- *Trao tấm áo trắng*, tượng trưng tâm hồn trong sạch sau khi được tẩy rửa và vinh quang rực rỡ của màu nhiệm Phục Sinh.

- *Trao nến sáng*. Nến sáng tượng trưng cho Đức Kitô, ánh sáng thế gian. Nến sáng cũng tượng trưng cho sứ mạng của người tín hữu phải chiếu sáng bằng cuộc đời thánh thiện. Nến sáng còn là biểu hiện của sự tỉnh thức đón chờ Đức Kitô trở lại.

IV. Người Lãnh Bí Tích Thánh Tẩy

“Tất cả và chỉ những người chưa được rửa tội mới có khả năng lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy”.

1. Rửa tội cho người lớn

Từ ban đầu, Hội Thánh chỉ rửa tội cho người lớn ở những nơi Tin Mừng vừa được loan báo. Trong trường hợp đó, thời kỳ

dự tòng giữ một vị trí quan trọng. Được khai tâm về đức tin và đời sống Kitô giáo, trước khi lãnh bí tích người dự tòng phải tỏ lòng sám hối tội lỗi mình. Liên sau khi lãnh bí tích Thánh Tẩy họ được lãnh bí tích Thêm Sức và Thánh Thể.

2. Rửa tội cho trẻ em

Trong trường hợp này, người lãnh bí tích Thánh Tẩy không thể tự mình tuyên xưng đức tin được, nên cha mẹ và người đỡ đầu sẽ tuyên xưng thay. Việc thay thế này mang theo trách nhiệm sau: Chính cha mẹ sẽ xin cho con mình được lãnh bí tích Thánh Tẩy. Đây là quyền lợi và trách nhiệm của cha mẹ, vì cha mẹ có trách nhiệm lo cho con cái được sống và trưởng thành không những về mặt thể xác mà cả về mặt tinh thần nữa, nên phải lo cho con em mình được sống trong ơn nghĩa Chúa (trừ trường hợp nguy tử, Hội Thánh không ban bí tích Thánh Tẩy cho trẻ em khi cha mẹ chúng không muốn, hoặc không bảo đảm giáo dục chúng về đức tin). Thêm vào đó, bí tích Thánh Tẩy đòi người lãnh bí tích này phải có người đỡ đầu. Người này có nhiệm vụ giúp người mình đã công khai nhận đỡ đầu được lớn lên trong ân sủng của bí tích Thánh Tẩy.

V. Thừa Tác Viên Của Bí Tích Thánh Tẩy

1. Thừa tác viên thông thường

Các tác viên thông thường của bí tích Thánh Tẩy là Đức Giám mục, Linh mục và Phó tế.

2. Thừa tác viên ngoại thường

Tác viên ngoại thường của bí tích này là bất kỳ người nào, kể cả những người không phải là Kitô hữu. Khi thiếu thừa tác viên thông thường, đặc biệt trong trường hợp cần thiết, thì bất cứ người nào cũng có thể ban bí tích Thánh Tẩy, miễn là làm theo đúng nghi thức và ý muốn của Hội Thánh.

VI. Sự Cần Thiết Và Ân Sủng Của Bí Tích Thánh Tẩy

1. Sự cần thiết

Chính Chúa Giêsu khẳng định bí tích Thánh Tẩy cần thiết để được cứu độ (x. Ga 3,5). Vì thế, Người đã sai các môn đệ đi rao giảng Tin Mừng và rửa tội cho mọi dân tộc (x. Mt 28,20). Ngoài bí tích Thánh Tẩy, Hội Thánh không có phương thế nào khác bảo đảm cho con người được hạnh phúc đời đời. Thế nên, Hội Thánh không xao lãng sứ mạng Chúa đã trao phó là rửa tội cho tất cả những ai có thể lãnh nhận bí tích này. Tuy nhiên, dù *Thiên Chúa đã liên kết ơn cứu độ với bí tích Thánh Tẩy, nhưng chính Người không bị các bí tích ràng buộc.*

2. Ân sủng

Hiệu quả chính của bí tích Thánh Tẩy là thanh tẩy tội lỗi và tái sinh trong Chúa Thánh Thần.

a. Tha thứ tội lỗi

Nhờ bí tích Thánh Tẩy, mọi tội lỗi đều được tha: nguyên tội, tội riêng cũng như hình phạt do tội. Những người đã được tái sinh sẽ được vào Nước Thiên Chúa và không còn gì ngăn cản họ. Tuy nhiên, họ còn phải chịu một số hậu quả tạm thời của tội như : đau khổ, bệnh tật, bất toàn, chết...

b. Trở nên thụ tạo mới

Bí tích Thánh Tẩy làm cho người lãnh bí tích này trở nên *thụ tạo mới*, trở thành *nghĩa tử của Thiên Chúa*, được *thông phần bản tính Thiên Chúa*, thành *chi thể của Đức Kitô* và *cùng thừa kế với Người*, thành *đền thờ Chúa Thánh Thần*. Toàn bộ đời sống *siêu nhiên* của người Kitô hữu đều *bắt nguồn từ bí tích Thánh Tẩy*.

c. Thập nhập vào Hội Thánh

Bí tích Thánh Tẩy cho chúng ta trở nên *chi thể* trong thân thể Chúa Kitô, bởi thế, chúng ta là *phần thân thể* của nhau.

Bí tích Thánh Tẩy tháp nhập chúng ta vào Hội Thánh, Dân Thiên Chúa của Giao Ước Mới phát sinh từ giếng nước rửa tội. Người đã được rửa tội trở thành phần tử của Hội Thánh, họ *không còn thuộc về mình, nhưng thuộc về Đấng đã chết và sống lại vì mình*. Bí tích Thánh Tẩy đã trao cho người lãnh nhận những trách nhiệm và bổn phận, đồng thời cũng trao cho họ những quyền lợi trong lòng Hội Thánh: được lãnh nhận các bí tích, được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa và được nâng đỡ bằng những trợ lực thiêng liêng.

d. Mọi dây hiệp nhất các Kitô hữu

Bí tích Thánh Tẩy đặt nền tảng cho sự hiệp thông giữa các Kitô hữu, ngay cả những người chưa hoàn toàn hiệp thông với Hội Thánh Công Giáo. Sắc lệnh về hiệp nhất của công đồng Vaticanô II đã viết: *“Thật vậy, những người tin vào Chúa Kitô, và được rửa tội đúng cách vẫn hiệp thông với Hội Thánh Công Giáo một cách nào đó, cho dầu không được hoàn hảo... Họ xứng đáng được con cái Hội Thánh Công Giáo nhìn nhận là người anh em trong Chúa”*.

e. Dấu ấn thiêng liêng

Bí tích Thánh Tẩy ghi trên người Kitô hữu một dấu ấn thiêng liêng không thể tẩy xóa để chỉ cho biết họ thuộc về Chúa Kitô. Không một tội lỗi nào xóa được dấu ấn này, cho dù tội lỗi ngăn cản bí tích Thánh Tẩy mang lại những hiệu quả cứu độ.

Được tháp nhập vào Hội Thánh nhờ bí tích Thánh Tẩy, các tín hữu đã được ấn tín thánh hiến để họ thi hành việc phụng tự Kitô giáo. *Ấn tín của Chúa* là dấu ấn Chúa thánh Thần ghi trên chúng ta để chờ ngày cứu chuộc. Người tín hữu được Thiên Chúa ghi dấu đức tin, phải gìn giữ ấn tín này cho đến cùng, nghĩa là trung thành với những đòi hỏi của bí tích Thánh Tẩy.

BÍ TÍCH THÊM SỨC

I. Bản Chất Của Bí Tích Thêm Sức

Bí tích Thêm Sức cùng với bí tích Thánh Tẩy và Thánh Thể hợp thành một thể thống nhất “các bí tích khai tâm Kitô giáo”. Thế nên, người tín hữu cần lãnh bí tích Thêm Sức để hoàn tất ân sủng của bí tích Thánh Tẩy. *“Nhờ ân sủng của bí tích Thêm Sức, các tín hữu gắn bó với Hội Thánh cách hoàn hảo hơn và được đầy tràn sức mạnh của Chúa Thánh Thần; do đó họ càng có bổn phận khẩn thiết hơn phải loan truyền và bảo vệ đức tin bằng lời nói và việc làm, như những chứng nhân đích thực của Chúa Kitô”* (LG 11).

Tại Việt Nam, có một số nơi người ta gọi bí tích Thêm Sức là bí tích Xức Trán. Có lẽ tiếng “thêm sức” muốn nói đến hiệu quả của bí tích này theo nghĩa là Chúa Thánh Thần ban sức mạnh cho người tín hữu để họ can trường làm chứng cho Đức Kitô. Còn tiếng “xức trán” ám chỉ việc xức dầu “Crisma” lên trán người lãnh bí tích này.

II. Bí Tích Thêm Sức Trong Chương Trình Cứu Độ

Trong Cựu Ước, các ngôn sứ đã loan báo việc Chúa Thánh Thần (CTT) sẽ ngự xuống trên Đấng Cứu Thế muôn dân mong đợi để giúp Người thực hiện sứ mạng cứu độ. Đức Giêsu đã nhập thể trong cung lòng Đức Trinh Nữ Maria bởi quyền năng CTT, nên tất cả cuộc đời và sứ mạng của Người luôn hiệp thông trọn vẹn với CTT. Kế đến là sự kiện CTT ngự xuống trên Đức Giêsu sau khi Người chịu phép rửa của ông Gioan tại sông Giođan, là dấu chỉ xác nhận Người là Đấng Cứu Độ, Đấng phải đến và là Con TC (x. Mt 3,13-17).

Kinh Thánh cho chúng ta thấy, Đức Kitô nhiều lần hứa ban Thánh Thần cho các môn đệ (x. Lc 12,12; Ga 3,5-8) và Người đã thực hiện lời hứa đó sau khi phục sinh. Ngay khi được đầy tràn Thánh Thần, các Tông đồ bắt đầu rao giảng “*những kỳ công của Thiên Chúa*” (Cv 2,11). “Từ đó, theo ý của Đức Kitô, các Tông đồ đặt tay ban Thánh Thần cho các tân tòng để kiện toàn ân sủng của bí tích Thánh Tẩy. Truyền thống công giáo, coi việc đặt tay này là nguồn gốc của bí tích Thêm Sức, là phương thế lưu truyền ân sủng thánh Thần trong Hội Thánh”.¹³

Để biểu thị rõ ân sủng Thánh Thần, ngoài việc đặt tay, Hội thánh đã sớm thêm nghi thức xúc dầu. Việc xúc dầu này làm nổi bật danh xưng Kitô hữu là “người được xúc dầu”, danh xưng này được bắt nguồn từ chính Đức Kitô, “Đấng được Thiên Chúa dùng Thánh Thần mà xúc dầu tấn phong” (Cv 10,38).

III. DẤU CHỈ CỦA BÍ TÍCH THÊM SỨC

Trong bí tích Thêm Sức, cần lưu ý đến dấu chỉ *xúc dầu* và *ấn tín thiêng liêng*.

Theo ngôn ngữ Thánh Kinh, xúc dầu mang nhiều ý nghĩa như : dầu là dấu chỉ của sự xung mãn và niềm vui, dầu dùng để thanh tẩy, dầu làm cho dẻo dai, dầu dùng để chữa bệnh, dầu làm nổi bật vẻ đẹp...

Chúng ta gặp lại tất cả những ý nghĩa này trong đời sống bí tích. Xúc “dầu dự tòng” trước khi lãnh bí tích Thánh Tẩy, diễn tả việc thanh tẩy và thêm sức. Xúc dầu bệnh nhân để chữa lành và hồi phục. Xúc Dầu Thánh sau khi rửa tội, khi cử hành bí tích Thêm Sức và Truyền Chức là dấu chỉ thánh hiến. Nhờ bí tích Thêm Sức, các Kitô hữu là những người được xúc dầu, tham dự tích

¹³ ĐGH. Phaolô VI, Tông hiến *Thông dụ bản tính Thần Linh*.

cực hơn vào sứ mạng của Chúa Giêsu Kitô và được tràn đầy Thánh Thần của Người.

Qua việc xúc dầu này, người lãnh bí tích Thêm Sức nhận được *ấn tín Chúa Thánh Thần*. Ấn tín này ghi trên người nào là xác nhận người ấy hoàn toàn thuộc về Chúa Kitô và vĩnh viễn sống cho Người. Đồng thời là dấu chỉ của Lời Thiên Chúa hứa sẽ bảo vệ người ấy trong cuộc thử thách lớn lao ngày cánh chung.

IV. Việc Cử Hành Bí Tích Thêm Sức

Những nghi thức cơ bản

a. Nghi thức đặt tay

Trong khi cử hành bí tích Thêm Sức, vị chủ sự sẽ đặt tay trên đầu toàn thể những người lãnh bí tích Thêm Sức, đây là cử chỉ có từ thời các Tông đồ. Trong Phụng vụ, việc cầu khẩn Chúa Thánh Thần xuống trên người nào thường được diễn tả bằng việc đặt tay trên người đó. Việc đặt tay được áp dụng trong nhiều bí tích khác nhau như bí tích Hoà Giải, bí tích Truyền Chức. Các sách nghi thức cổ truyền coi việc đặt tay là yếu tố chính của bí tích Thêm Sức.

b. Nghi thức xúc dầu Thánh (Crisma)

Từ thế kỷ thứ hai Hội Thánh ghi nhận một cử chỉ khác nữa khi ban bí tích. Thêm Sức, đó là việc xúc dầu Thánh trên trán. Trong suốt thời Trung cổ, người ta coi việc xúc dầu như yếu tố chính yếu của bí tích Thêm Sức. Ngày nay, cả hai cử chỉ: đặt tay trên đầu và xúc dầu được coi là quan trọng như nhau, xét vì cả hai đều bổ túc cho nhau để diễn tả tác động của CTT. Tuy nhiên, ĐGH. Phaolô VI tuyên bố rằng: việc đặt tay không liên hệ đến thành sự của Bí tích Thêm Sức, chỉ cần việc xúc dầu là đủ.

c. Mô thức

Mô thức của bí tích Thêm Sức là lời đọc : “*Hãy lãnh nhận ấn tín ơn Chúa Thánh Thần*”. Người tín hữu không những lãnh nhận ơn của Chúa Thánh Thần, nhưng lãnh nhận chính Chúa Thánh Thần là hồng ân được Chúa Cha và Chúa Kitô ban cho.

Như vậy, tác động của Thánh Thần trên người tín hữu được mô tả như là ấn tín và hồng ân.

- Người đặt ấn tín trên chúng ta, Người niêm phong, củng cố, tăng cường, xác định, hoàn tất điều Người đã khởi đầu trong bí tích Thánh Tẩy.

- Người được trao ban cho chúng ta như hồng ân: Thánh Thần được cử đến như hồng ân TC ban cho chúng ta, Người là Thánh Thần tình yêu, Thánh Thần chân lý, nhằm giúp mỗi người chu toàn sứ mạng của mình trong Hội Thánh.

Những nghi thức phụ thuộc

Ngoài những nghi thức chính yếu phải có khi cử hành bí tích Thêm Sức, Hội Thánh còn dự trù những nghi thức khác nữa.

a. Trước tiên là việc cử hành Lời Chúa, nhằm chuẩn bị cộng đoàn tham dự nghi lễ với tất cả lòng tin mến.

b. Lập lại lời các lời hứa khi lãnh Bí tích Thánh Tẩy. Trước đây cha mẹ và những người đỡ đầu đã tuyên xưng đức tin thay cho họ, nay họ đã trưởng thành, nên muốn xác nhận lại việc gia nhập Kitô giáo, chấp nhận giáo huấn đức tin bằng lời nói và việc làm.

c. Vị chủ sự đọc lời nguyện để cầu xin cho người sắp lãnh nhận bí tích Thêm Sức được bầy ơn Chúa Thánh Thần.

d. Chúc bình an sau khi xúc dầu, biểu lộ sự hiệp thông giữa vị chủ sự và toàn thể tín hữu.

V. Người Lãnh Bí Tích Thêm Sức

Tất cả và chỉ những người đã lãnh bí tích Thánh Tẩy và chưa lãnh bí tích Thêm Sức mới có khả năng lãnh nhận bí tích Thêm Sức.

Ngoài trường hợp nguy tử, nếu đương sự biết sử dụng lý trí, để lãnh bí tích Thêm Sức hợp pháp, thì phải học hỏi đầy đủ, chuẩn bị xứng đáng và có khả năng lập lại những lời hứa khi lãnh bí tích Thánh Tẩy.

Như vậy để lãnh bí tích Thêm Sức thành sự và hợp pháp, cần có những điều kiện sau :

- Đã lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy và chưa lãnh nhận bí tích Thêm Sức.

- Cần học biết Giáo lý, đặc biệt về bí tích Thêm Sức, để đào sâu thêm về đức tin mà họ có sứ mạng làm chứng.

- Sống trong tình trạng ân sủng (sạch tội trọng và tích cực cầu nguyện để chuẩn bị đón nhận ân sủng của Chúa Thánh Thần).

- Cần có người đỡ đầu (người đỡ đầu phải là người đã lãnh nhận bí tích Thêm Sức).

VI. Thừa Tác Viên Của Bí Tích Thêm Sức

1. Thừa tác viên thông thường

Thừa tác viên thông thường của bí tích Thêm Sức là đức giám mục. Việc dành cho các giám mục quyền cử hành bí tích này, vì các ngài là những người kế vị các Tông đồ và sự hiện diện của giám mục nói lên sự gắn bó giữ người lãnh bí tích với Hội Thánh, với sứ mạng làm chứng cho Chúa Kitô.

2. Thừa tác viên ngoại thường

Trong những trường hợp đặc biệt hay vì lý do cụ thể như : lãnh thổ giáo phận quá rộng hay vì những cản trở do hoàn cảnh mà giám mục không thể trực tiếp ban bí tích Thêm Sức cho hết mọi người được, nên giáo luật cho phép một số linh mục được quyền ban bí tích này.

a. Những linh mục đứng đầu giáo hội địa phương: linh mục giám quản, cha quản hạt..

b. Khi ban bí tích Thánh Tẩy cho người lớn, chính linh mục đó được ban bí tích Thêm Sức trong cùng một lần cử hành.

c. Những linh mục được giám mục hay một cơ quan khác có thẩm quyền ủy quyền. Sự ủy quyền này có tính cách thường xuyên hay từng lần.

d. Trong trường hợp nguy tử, tất cả các linh mục đều có quyền ban bí tích Thêm Sức.

VII. Hiệu Quả Của Bí Tích Thêm Sức

- Người lãnh bí tích Thêm Sức được đón nhận Chúa Thánh Thần một cách đặc biệt, như các Tông đồ đã lãnh nhận trong ngày lễ Ngũ Tuần.

- Bí tích Thêm Sức Tăng trưởng và đào sâu ơn Bí tích Thánh Tẩy, giúp người tín hữu đi sâu vào tình nghĩa tử thiêng liêng với Thiên Chúa, kết hợp mật thiết hơn với Chúa Kitô, liên kết trọn vẹn hơn với Hội Thánh, trở nên chứng nhân đích thực của Chúa Kitô và không bao giờ hổ thẹn vì thập giá.

Bí tích Thêm Sức ghi vào linh hồn người người lãnh bí tích này *một dấu ấn thiêng liêng không thể xoá được*. Do đó bí tích Thêm Sức chỉ được lãnh nhận một lần mà thôi.

Bài 6

BÍ TÍCH THÁNH THỂ

I. Dẫn Nhập

Bí tích Thánh Thể là một trong ba bí tích khai tâm Kitô giáo, là trung tâm, cội nguồn và tột đỉnh của phụng tự Kitô giáo. Nhờ bí tích Thánh Thể, người tín hữu cùng với toàn thể cộng đoàn tham dự vào hy lễ của Chúa Giêsu.

Trong bữa tiệc sau hết, vào đêm bị nộp, Đấng Cứu Chuộc chúng ta đã thiết lập Hy Tế Tạ Ơn bằng Mình và Máu Người, để nhờ đó Hy Tế Khổ Giá kéo dài qua các thời đại cho đến khi Người lại đến. Đây là bí tích tình yêu, dấu chỉ hiệp nhất, mối dây bác ái, bữa tiệc Vượt Qua. Trong bữa tiệc này, chúng ta nhận được chính Đức Kitô là nguồn mạch ân sủng làm của ăn.

II. Danh Xưng Của Bí Tích Thánh Thể

Vì bí tích Thánh Thể vô cùng phong phú, nên được gọi bằng nhiều danh hiệu khác nhau, mỗi danh hiệu gọi lên một số ý nghĩa.

1. Lễ Tạ Ơn

Đây chính là việc tạ ơn Thiên Chúa vì những kỳ công Người đã thực hiện: sáng tạo, cứu chuộc và thánh hoá.

2. Bữa Ăn Của Chúa

Hội Thánh tưởng niệm bữa Tiệc Ly Đức Giêsu cùng ăn với các môn đệ tối hôm trước ngày chịu nạn.

3. Lễ Bẻ Bánh

Đây chính là cử chỉ Đức Giêsu đã làm trong bữa tiệc ly theo nghi thức đặc của người Do thái. Chính nhờ cử chỉ bẻ bánh, các môn đệ đã nhận ra Chúa sau khi Người phục sinh (x. Lc24, 13-15).

Các Kitô hữu tiên khởi đã gọi thánh lễ là Lễ Bẻ Bánh. Với thuật ngữ này họ muốn nói : tất cả những ai cùng ăn một tấm bánh được bẻ ra là Chúa Kitô, được hiệp thông với Người và hợp thành thân thể duy nhất trong Người.

4. Bí Tích Hiệp Thông

Đây là bí tích kết hợp chúng ta với Đức Kitô, Đấng ban Mình và Máu Người để tất cả trở nên một thân thể.

III. Các Chiều Kích Của Bí Tích Thánh Thể

Hội Thánh nêu ra bốn chiều kích chính của Bí tích Thánh Thể như sau:

1. Sự hiện diện của Đức Kitô

Đức Kitô hiện diện giữa chúng ta bằng nhiều cách, nhưng ở đỉnh cao nhất là nơi bí tích Thánh Thể (sự hiện diện có một không hai). Người hiện diện giữa chúng ta không phải để được tung hô, nhưng Người muốn kết hiệp với từng người chúng ta như lương thực, giúp ta tăng trưởng trên đường lữ hành.

2. Hy Lễ Thập Giá

Hy lễ này đã được dâng một lần và đã được Chúa Cha chấp nhận như của lễ hoà giải nhân loại. Hy lễ ấy không thể và không cần lập lại nữa. Tuy nhiên, nhờ Thánh Thể, Hội Thánh cùng các tín hữu thuộc mọi thời đại có thể tham dự vào hy lễ Thập Giá, nhờ cuộc tưởng niệm bí tích. Kinh thánh và Phụng vụ dùng tiếng tưởng niệm ở đây không có nghĩa là gợi nhớ, nhưng mang ý nghĩa rất hiện thực. Bởi vì tưởng nhớ không phải về phần của chúng ta cho bằng về phần Thiên Chúa. Chúng ta xin Chúa nhớ lại cuộc tử nạn và Phục sinh của Đức Kitô, đem áp dụng hiệu quả của ấy vào nhiệm ấy cho chúng ta ngày nay.

3. Sự hiệp nhất của Hội Thánh

Nhờ sự kết hợp của mỗi người chúng ta với Đức Kitô, chúng ta trở thành một thân thể với Người và chúng ta liên kết với nhau. Thánh Thể tạo ra mối hiệp nhất đồng thời cũng biểu lộ mối hiệp nhất. Thực vậy, mỗi khi cử hành bí tích Thánh Thể, dù cộng đoàn gồm nên bởi nhiều thành phần khác nhau như : phái tính, tuổi tác, tính tình... nhưng tất cả chấp nhận nhau như một gia đình, bởi tất cả cùng tuyên xưng một đức tin, một niềm hy vọng và một tình thương. Do đó ngay từ đầu, Hội Thánh ý thức rằng sự chia rẽ trong cộng đoàn là một trọng tội đối với Thánh Thể, bởi vì đi ngược lại thực thể của bí tích tình yêu và hiệp nhất.

4. Trung tâm của phụng tự và hoạt động của Kitô giáo

Hội Thánh tìm được nơi bí tích Thánh Thể nguồn sinh lực cũng như nguồn ơn thánh, bởi vì nguồn ơn thánh khởi phát từ Hy lễ Vượt Qua của Đức Kitô. Mặt khác, tất cả hoạt động của Hội Thánh đều qui về bí tích Thánh Thể, vì bí tích này cho ta nếm trước sự kết hợp sau này với Thiên Chúa là mục đích của đời sống chúng ta.

IV. Bí Tích Thánh Thể Là Nguồn Mạch Và Tột Đỉnh Của Đời Sống Hội Thánh

Bí tích Thánh Thể là nguồn mạch và tột đỉnh của đời sống Kitô hữu. Những bí tích khác cũng như các thừa tác vụ và hoạt động tông đồ đều gắn liền với bí tích Thánh Thể và qui hướng về đó. Bởi vì bí tích Thánh Thể Chí thánh chứa đựng tất cả của cải thiêng liêng của Hội Thánh, đó chính là Chúa Kitô, Người là mẫu nhiệm Phục Sinh của chúng ta.

Bí tích Thánh Thể biểu thị và thể hiện chính thực chất của Hội Thánh là hiệp thông đời sống với Thiên Chúa và hiệp nhất dân Thiên Chúa.

V. Cử Hành Phụng Vụ Thánh Thể

1. Chất liệu của bí tích Thánh Thể

Chất liệu để cử hành bí tích Thánh Thể được qui định:

- Hy lễ Thánh Thể phải được cử hành bằng bánh không men và rượu nho nguyên chất có pha thêm chút nước.
- Bánh phải làm bằng bột mì tinh tuyển và còn mới.
- Rượu phải là rượu tự nhiên từ trái nho, và không bị hư.

Truyền thống của Hội Thánh cử hành thánh lễ với bánh và rượu, dựa theo chất liệu đã dùng trong bữa Tiệc Ly. Còn việc thêm vài giọt nước vào rượu, thần học đã nhìn dưới hai biểu tượng : một mặt ví như nước hoà với máu trào ra từ cạnh sườn của Đức Giêsu bị đâm thủng khi treo trên thập giá, mặt khác là biểu tượng của chúng ta (ví như nước) hoà với Chúa Giêsu (ví như rượu) làm nên lễ vật duy nhất dâng lên Thiên Chúa Cha. Thêm vào đó, việc hoà nước vào rượu còn được giải thích như biểu tượng sự hoà hợp giữa nhân tính với thiên tính trong Đức Kitô.

Những lời mô thức đọc trên bánh và rượu là: “*này là mình thầy sẽ bị nộp vì các con... này là chén máu thầy...*”. Giáo luật tuyệt đối cấm việc đọc lời mô thức này ngoài thánh lễ.

1. Thánh lễ qua mọi thời đại

Thánh lễ diễn tiến theo một cấu trúc cơ bản được duy trì từ nhiều thế kỷ cho đến nay. Thánh lễ chia làm chia phần nhưng là một thể thống nhất :

- Phụng vụ Lời Chúa với các bài đọc, bài giảng và lời nguyện tín hữu.
- Phụng vụ Thánh Thể với việc tiến dâng bánh rượu, truyền phép, lời kinh tạ ơn và hiệp lễ.

Phụng vụ Lời Chúa và Phụng vụ Thánh Thể là *một hành vi phụng thờ duy nhất*. Bàn tiệc Thánh Thể vừa là bàn tiệc Lời Chúa và là bàn tiệc Mình Chúa. Trong khi đi đường với hai môn đệ trên đường Emmau, Đức Giêsu đã giải thích cho họ những lời Kinh Thánh, và khi ngồi vào bàn ăn, Người cầm lấy bánh, đọc lời chúc tụng, bẻ ra và trao cho các họ.

2. Diễn tiến thánh lễ

Cộng đoàn tập hợp : Các Kitô hữu tập hợp lại một nơi để cử hành thánh lễ. Chính Chúa Giêsu đứng đầu cộng đoàn, người chủ sự thánh lễ. Người là thượng tế của giao Ước Mới. Dù ẩn dạng, nhưng người chủ sự mọi thánh lễ. Các giám mục hay linh mục thay mặt Người cử hành thánh lễ.

Phụng vụ Lời Chúa : gồm các bài đọc rút ra từ Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước, bài giảng giúp tín hữu nhận thức đây là Lời Chúa, cần được thực hành trong đời sống.

Chuẩn bị lễ phẩm : bánh và rượu được mang lên bàn thờ, linh mục nhân danh Đức Kitô, dâng lên Thiên Chúa lễ vật sẽ trở nên mình và máu Đức Kitô. Việc dâng lễ vật trên bàn thờ lặp lại cử chỉ của Menkixêđê và đặt tặng phẩm của tạo hoá vào tay Đức Kitô. Trong hy tế của mình Đức Giêsu kiện toàn lễ tế của con người.

Kinh nguyện Thánh Thể (Kinh Tạ Ơn) : trung tâm và cao điểm của thánh lễ là Kinh nguyện Thánh Thể, gồm Kinh Tạ Ơn và lời Truyền Phép.

Lời nguyện Chúa dạy là kinh Lạy Cha và nghi thức bẻ bánh đi trước phần hiệp lễ. Trong phần hiệp lễ, các tín hữu lãnh nhận “bánh bởi trời” và “chén cứu độ” là chính Mình Máu Thánh Chúa Kitô, Đấng tự hiến “để cho thế gian được sống”.

VI. Hy Tế Bí Tích Thánh Thể

Bí tích Thánh thể được xem là :

1. Tạ ơn và chúc tụng Chúa Cha

Thánh thể là bí tích cứu độ được Đức Kitô hoàn tất trên thập giá, đồng thời cũng là hy tế tạ ơn và ca ngợi công trình của Đấng Sáng Tạo. Trong hy tế Thánh thể, Đức Giêsu dâng toàn thể công trình sáng tạo lên trước thánh nhan Thiên Chúa Cha qua cái chết và phục sinh của mình.

Bí tích Thánh Thể là hy tế tạ ơn và lời chúc tụng Hội Thánh dâng lên Thiên Chúa Cha để tỏ lòng tri ân vì mọi điều thiện hảo Người đã thực hiện. Chỉ qua Đức Giêsu, hy tế Tạ ơn và Chúc tụng mới được thực hiện cách trọn hảo.

2. Tưởng niệm hy tế của Đức Kitô và của Hội Thánh

Theo Kinh Thánh, tưởng niệm không chỉ là nhớ lại những biến cố đã qua, mà còn là loan báo những kỳ công Thiên Chúa đã thực hiện cho nhân trần. Khi cử hành Phụng vụ, những biến cố này hiện diện sống động giữa cộng đoàn. Khi cử hành bí tích Thánh Thể, Hội Thánh tưởng nhớ cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, lúc đó, Chúa Thánh Thần sẽ làm hiện tại hoá cuộc Vượt Qua này giữa cộng đoàn.

Thánh lễ là một hy tế vì hiện tại hoá hy tế thập giá, vì tưởng niệm và ban phát hiệu quả của hy tế này. Hy tế của Đức Kitô và hy tế Thánh Thể chỉ là một. Lễ vật duy nhất là Đức Kitô, xưa chính Người dâng trên thánh giá, nay được dâng nhờ thừa tác vụ linh mục.

Là thân thể của Đức Kitô, Hội Thánh tham dự vào lễ tế của Đức Kitô là Đầu. Cùng với Người, Hội Thánh cũng dâng hiến trọn vẹn cho Chúa Cha. Hội Thánh hiệp nhất với Đức Kitô

để chuyển cầu cho toàn thể nhân loại. Thế nên, Thánh lễ cũng là hy tế của Hội Thánh.

3. Sự hiện diện của Đức Kitô

Đối với Hội Thánh, Đức Giêsu hiện diện dưới nhiều hình thức, nhưng cách thức hiện diện trong bí tích Thánh Thể là cách hiện diện độc nhất. Trong bí tích cực thánh, *có sự hiện diện đích thực, thực sự và bản thể của Mình và Máu Đức Kitô cùng với linh hồn và thiên tính của Người, nghĩa là Đức Kitô trọn vẹn.*

Trong bí tích Thánh Thể, Đức Kitô hiện diện nhờ sự biến đổi bánh và rượu thành Mình và Máu Người. Người hiện diện trong bí tích Thánh Thể bắt đầu từ lúc truyền phép và kéo dài bao lâu hình bánh hình rượu còn tồn tại. Trong hình bánh cũng như trong hình rượu, Đức Kitô hiện diện trọn vẹn. Trong bất cứ phần nhỏ bé cũng có trọn vẹn Mình và Máu Chúa. Việc bẻ bánh không phân chia Đức Kitô.

VII. Thừa Tác Viên Cử Hành Thánh Lễ

Chỉ có các tư tế lãnh bí tích Truyền Chức Thánh hữu hiệu (Giám mục và linh mục) làm thừa tác viên hiện thân của Chúa Kitô mới có khả năng cử hành bí tích Thánh Thể. Ngoài ra, để cử hành thánh lễ hợp pháp, các tư tế phải không bị cản trở về giáo luật và giữ những qui định của giáo luật.

VIII. Hiệu Quả Của Việc Rước Thánh Thể

- Việc rước Thánh Thể tăng triển sự hiệp thông giữa chúng ta với Chúa Kitô. Hiệu quả chính yếu của việc rước lễ là được kết hiệp thâm sâu với Đức Kitô, như Chúa đã nói: *“Ai ăn thịt và uống máu Tôi, thì luôn kết hợp với Tôi, và Tôi luôn kết hợp với người ấy”*. Như vậy để đời sống ân sủng tăng trưởng, người Kitô hữu phải được bí tích. Thánh Thể dưỡng nuôi.

- Việc rước thánh thể giúp xa lánh tội lỗi. Chúng ta rước lấy Mình Chúa Kitô, đã phó nộp vì chúng ta và Máu đã đổ ra cho mọi người được tha tội. Vì thế, bí tích Thánh Thể không thể kết hợp chúng ta với Chúa Kitô, nếu không thanh tẩy chúng ta khỏi tội đã phạm và giúp chúng ta xa lánh tội lỗi.

- Việc rước Thánh Thể liên kết các Kitô hữu với nhau. Ai rước lễ đều được liên kết chặt chẽ với Đức Kitô, nhờ đó, Người kết hiệp họ với các tín hữu khác thành một thân thể duy nhất là Hội Thánh. Bởi vì *chỉ có một tấm Bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng tấm Bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể.*

- Ai muốn đón nhận nhận Chúa Kitô qua việc rước lễ, phải sống trong tình trạng ân sủng (sạch tội trọng) ; có ý ngay lành và giữ chay Thánh Thể.

BÍ TÍCH SÁM HỐI

I. Dẫn Nhập

Bí tích Sám Hối là một trong hai bí tích chữa lành (bí tích Sám Hối và bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân). Trong tiếng Việt bí tích này được gọi là bí tích Giải Tội, nhưng trong nguyên bản, bí tích này chính thức được gọi là bí tích Thống Hối. Ngoài ra các sách Phụng vụ còn dùng một tên gọi mang ý nghĩa Phúc âm hơn, đó là bí tích Giao Hoà.

Đức Kitô là thầy thuốc thần linh chữa lành linh hồn và thể xác chúng ta. Người đã từng tha tội và phục hồi sức khoẻ thể xác cho người bại liệt. Người muốn Hội Thánh nhờ quyền năng Thánh Thần, tiếp tục công cuộc chữa lành và cứu độ. Các chi thể của Hội Thánh rất cần điều này.

"Những ai đến lãnh nhận bí tích Sám Hối, đều được Thiên Chúa nhân từ tha thứ những xúc phạm đến Người. Đồng thời họ được giao hoà cùng Hội Thánh mà tội lỗi họ đã làm tổn thương. Hội Thánh hằng nỗ lực lấy Đức Ái, gương lành và kinh nguyện, để hoán cải họ" (GH 11)

II. Danh Xưng Của Bí Tích Sám Hối

Theo Giáo lý Hội Thánh Công Giáo bí tích Sám Hối thường được gọi với những tên sau :

1. Bí tích Hoán Cải: bí tích này thực hiện lời Chúa Giêsu mời gọi tội nhân hoán cải để trở về với Chúa Cha.
2. Bí tích Thống Hối: nhấn mạnh đến tâm tình căn bản của con người nhận biết lỗi lầm của mình và muốn trở về với Chúa.

3. Bí tích Thú tội: việc xưng thú tội lỗi với linh mục là một yếu tố thiết yếu của bí tích này. Theo một ý nghĩa sâu xa hơn, bí tích này cũng là một việc “tuyên xưng”, tức là nhìn nhận và ca ngợi Thiên Chúa thánh thiện và giàu lòng thương xót đối với tội nhân.

4. Bí tích tha tội: vì nhờ lời xá giải của thừa tác linh mục, Thiên Chúa ban cho tội nhân ơn “tha thứ và bình an”.

5. Bí tích Giao Hoà: vì qua bí tích này, tội nhân giao hoà với Thiên Chúa và với tha nhân.

Nhưng dù tên gọi nào chăng nữa, vẫn luôn hàm chứa hai nội dung chính yếu là : sự hoán cải của hối nhân và tình thương tha thứ của Thiên Chúa.

III. Tại Sao Phải Lãnh Bí Tích Sám Hối

Qua các bí tích khai tâm Kitô giáo, chúng ta đã đã lãnh nhận đời sống mới và trở nên tinh tuyền, thánh thiện trước Thiên Chúa. Tuy nhiên, đời sống mới đó không tiêu hủy sự mỏng giòn yếu đuối của bản tính nhân loại, cũng như sự hưởng chiều theo tội lỗi, do đó con người vẫn có khả năng phạm tội. Theo Thánh Gioan: *"Nếu ta nói rằng mình không có tội, ta tự lừa dối mình, và sự thật không có trong ta"* (1Ga 1,8). Đức Giêsu cũng dạy ta cầu nguyện: *"Xin Cha tha tội chúng con"*. Vì có tội, nên chúng ta cần đến với Bí tích. Sám Hối để khám phá và cảm nghiệm được tình thương của Thiên Chúa. Cảm nghiệm đó cùng với ân sủng của bí tích Sám Hối sẽ thúc đẩy và giúp ta hoán cải mọi ngày trong suốt cuộc đời.

IV. Bí Tích Sám Hối Và Giao Hoà

Tội trước hết là xúc phạm đến Thiên Chúa, là đoạn tuyệt với Người, đồng thời cũng làm tổn thương sự hiệp thông với Hội

Thánh. Vì thế khi hoán cải chúng ta được Thiên Chúa tha thứ và được giao hoà với Hội Thánh.

1. Chỉ mình Thiên Chúa có quyền tha tội

"Không ai có quyền tha tội ngoại trừ một mình Thiên Chúa" (Mc 2,7). Thực vậy, Chúa Kitô chính là Thiên Chúa nên Người có quyền tha tội: *"Tội lỗi của con đã được tha"* (Mc 2,5). Hơn nữa, nhân danh quyền TC, Đức Kitô ban quyền tha tội cho một số người để họ thực thi nhân danh Người. Qua thừa tác vụ tông đồ, TC khuyến bảo và nài nỉ con người *"hãy giao hoà với Thiên Chúa"*.

2. Giao hoà với Hội Thánh

Trong đời sống công khai khi tha tội cho ai thì đồng thời Chúa Giêsu cũng đưa người đó trở lại với cộng đồng dân Chúa vì tội lỗi đã tách lìa hay khai trừ họ khỏi cộng đoàn. Một dấu chỉ rõ ràng là Người cho kẻ tội lỗi được đồng bàn với mình, hơn nữa, còn đến dùng bữa với họ.

Khi cho các Tông đồ chia sẻ quyền tha tội, Người cũng cho họ quyền giao hoà tội nhân với Hội Thánh. Điều này được diễn tả một cách đặc biệt trong lời Đức Kitô nói với thánh Phêrô : *"Thầy ban cho con chìa khoá Nước Trời, những gì con cầm buộc dưới đất, trên trời cũng cầm buộc, những gì con tháo cởi dưới đất, trên trời cũng tháo cởi"*. Như thế, việc giao hoà với Chúa và với Hội Thánh không thể tách biệt nhau.

3. Bí tích tha tội

Đức Kitô đã lập bí tích Sám Hối cho những tội nhân trong Hội Thánh, trước hết là những người sau khi đã được rửa tội mà còn phạm tội trọng, đánh mất ân sủng của bí tích Thánh Tẩy và làm tổn thương đến sự hiệp thông của Hội Thánh.

Bí tích Sám Hối cho họ có cơ hội mới để hoán cải và tìm lại ơn công chính hoá.

Trong suốt chiều dài lịch sử, hình thức cử hành bí tích Sám Hối có thể thay đổi, nhưng vẫn luôn luôn giữ cơ cấu nền tảng với hai yếu tố quan trọng : một đằng là hành vi của hối nhân : thống hối, xưng tội, đền tội; đằng khác là hành động của Thiên Chúa qua Hội Thánh : Giám mục và Linh mục nhân danh Chúa mà tha tội và ra việc đền tội cho hối nhân. Công thức tha tội chứa đựng nội dung chính yếu của Bí tích : *"Thiên Chúa là Cha hay thương xót đã nhờ sự chết và sống lại của Con Chúa mà giao hòa thế gian với Chúa, và ban Thánh Thần để tha tội. Xin Chúa dùng tác vụ của Hội Thánh mà ban cho con ơn tha thứ và bình an. Vậy cha tha tội cho con, Nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần". Amen.*

V. Những Việc Hối Nhân Phải Làm Khi Lãnh Bí Tích Sám Hối

1. Sám hối

Thống hối (ăn năn) là buồn phiền, chê ghét tội đã phạm và dốc lòng không phạm tội nữa. Người ta thường phân biệt: *thống hối toàn vẹn* và *thống hối bất toàn*. Thống hối toàn vẹn là thống hối vì lòng mến, mến Chúa trên hết mọi sự. Lòng thống hối đó khiến hối nhân được tha các tội nhẹ và tha cả tội trọng nếu cương quyết lãnh nhận Bí tích Hòa giải sớm hết sức có thể. Thống hối bất toàn là thống hối vì sợ, sợ án phạt đời đời và sợ các hình phạt khác. Lòng thống hối ấy cũng là ân huệ của Thiên Chúa, thúc đẩy hối nhân làm hòa với Chúa và Hội Thánh cách trọn vẹn trong Bí tích Sám Hối.

Để lãnh bí tích Sám Hối, hối nhân cần chuẩn bị bằng việc xét mình dưới ánh sáng Lời Chúa .

2. Xưng thú tội lỗi

Bằng việc xưng tội, hối nhân nhìn thẳng vào tội lỗi của mình, nhận trách nhiệm và mở lòng ra với Chúa cũng như với Hội Thánh, để sống đời sống mới. Đây là thành phần thiết yếu của Bí tích Hòa giải. Vì thế, Hội Thánh đòi hối nhân phải xưng thú mọi tội trọng, kể cả những tội thầm kín.

Ngoài ra, còn có những đòi hỏi liên quan đến bí tích Sám Hối :

- Mỗi tín hữu buộc phải xưng các tội trọng 1 năm ít là 1 lần.
- Khi biết mình đang mắc tội trọng, không được rước Mình Thánh Chúa nếu chưa xưng tội, trừ khi không thể đi xưng tội, có thể giục lòng ăn năn sám hối.
- Trước khi được Rước Lễ lần đầu, trẻ em phải lãnh nhận bí tích Sám Hối.

Hội Thánh khuyến tín hữu xưng các tội nhẹ. Việc xưng tội thường xuyên giúp ta huấn luyện lương tâm, chiến đấu chống lại các khuynh hướng xấu, sẵn sàng để Chúa Kitô nâng đỡ và tiến bước trong đời sống mới. Nếu chúng ta thường xuyên hưởng nhờ lòng nhân từ của Chúa qua bí tích Sám Hối thì dần dần chúng ta cũng trở nên nhân từ như Người.

3. *Đền tội*

Tội là hành động nằm trong tương quan với Thiên Chúa và tha nhân. Tội gây thiệt hại cho tha nhân, vì thế phải đền bù; chẳng hạn: trả lại đồ vật đã lấy cắp, khôi phục danh dự cho người khác... Ngoài ra, tội còn làm cho chính bản thân ta yếu đi và mối tương quan với Thiên Chúa và tha nhân bị tổn thương. Chính vì thế, cùng với ơn tha tội, hối nhân còn phải làm việc gì đó đền bù, và phục hồi sức mạnh thiêng liêng. Đó là ý nghĩa đền tội. Việc đền tội có thể là kinh nguyện, việc bác ái, hãm mình, phục vụ tha nhân... Cha giải tội sẽ tùy theo mức độ tội đã phạm của hối nhân, mà ra việc đền tội cho thích hợp và ích lợi. Việc

đền tội giúp ta nên giống Chúa Kitô, Đấng duy nhất đền thay tội lỗi cho ta.

VI. Thừa Tác Viên Và Việc Cử Hành Bí Tích Sám Hối

1. Thừa tác viên

Thừa tác viên của bí tích Hòa giải là các Giám mục kế vị các Tông đồ, và các linh mục là những người cộng tác của hàng Giám mục. Nhờ ân sủng lãnh nhận qua bí tích Truyền Chức Thánh, các ngài tha thứ mọi tội lỗi "Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần". Nhờ ơn tha thứ này, các hối nhân được giao hòa với Thiên Chúa và Hội Thánh.

a. Điều kiện để ban bí tích hữu hiệu

Để ban Bí tích Sám Hối hữu hiệu cần phải có hai điều kiện :

- Phải là linh mục ;
- Cần phải có năng quyền giải tội (trừ trường hợp nguy tử).

b. Bí mật toà giải tội

Ấn tích giải tội là điều bất khả vi phạm. Do đó Hội Thánh buộc mọi linh mục, khi giải tội phải tuyệt đối giữ kín những tội hối nhân đã xưng thú bằng bất cứ giá nào. Vi phạm ấn tích giải tội sẽ bị phạt tuyệt thông dành riêng cho Toà Thánh giải. Thêm vào đó Hội Thánh cấm cha giải tội sử dụng những điều đã biết trong toà giải tội để làm hại hối nhân, cho dù không có nguy cơ tiết lộ. Đây là “ấn tín bí tích”, vì tất cả những gì hối nhân xưng thú đều được bí tích “niêm ấn”.

c. Vai trò của thừa tác viên

Khi cử hành bí tích Hòa giải, cha giải tội đóng vai trò Người Mục tử tốt lành kiếm tìm con chiên lạc, người Samari

nhân hậu bằng bó vết thương, người cha giàu lòng thương xót đợi chờ và hân hoan đón tiếp đứa con hoang đàng trở về; đồng thời là vị thẩm phán công bằng và thương xót.

Tóm lại, linh mục là dấu chỉ và khí cụ của tình thương Thiên Chúa dành cho hối nhân. Vì là tội tử phục vụ cho ơn tha thứ của Thiên Chúa, cha giải tội phải mang trong mình những tâm tình và ý tưởng của Chúa Kitô. Ngài phải có hiểu biết và kinh nghiệm về cuộc sống con người, phải biết tôn trọng và nhạy cảm với những ai sa ngã; đồng thời ngài phải yêu mến sự thật, trung thành với giáo huấn của Hội Thánh, và kiên nhẫn giúp hối nhân đi lên trên con đường thánh thiện.

2. Việc cử hành

a. Hoà giải từng cá nhân : đây là hình thức quen thuộc với chúng ta hơn cả, mỗi hối nhân đến gặp cha giải tội để xưng thú tội lỗi, sau đó cha giải ra việc đền tội và ban Bí tích Giải tội.

b. Hoà giải tập thể

* Cử hành tập thể, hoà giải cá nhân : Trong khung cảnh sám hối cộng đồng. Cộng đoàn cùng cử hành Phụng vụ Lời Chúa, nghe giảng, xét mình và sám hối chung, nhưng sau đó mỗi người sẽ xưng tội riêng với linh mục. Việc cử hành này làm nổi bật ý nghĩa Hội Thánh của bí tích Hòa giải.

* *Hoà giải tập thể* : Trong trường hợp khẩn thiết dẫn đến nguy tử như động đất, sóng thần, lũ lụt..., hoặc khi có sự khẩn thiết trần trọng, như tại nơi hiểm khi có linh mục giải tội, và không đủ thời gian giải tội riêng cho mỗi người, khiến giáo dân tiếp tục sống trong tình trạng tội lỗi và không thể rước lễ, thì có thể cử hành hòa giải cộng đồng và tha tội chung. Khi đó, toàn thể cộng đồng tỏ lòng sám hối, tiếp đến linh mục đọc lời giải tội cho tất cả cộng đoàn. Tuy nhiên, sau khi lãnh bí tích Sám Hối

chung như thế, mỗi người cần phải xưng thú tội nặng cách riêng khi thuận tiện.

Tuy nhiên, xưng tội và giải tội riêng vẫn là hình thức thông thường nhất; trong đó Chúa Kitô nói với từng người: "Cha tha tội cho con". Người là Thầy Thuốc chăm sóc từng bệnh nhân và dẫn đưa họ trở về với sự hiệp thông huynh đệ. Cho dù giải tội riêng, đừng quên rằng ở tự bản chất, cử hành bí tích là một hành vi Phụng vụ, và vì thế mang tích công khai và Cộng đoàn Hội Thánh.

VII. Hiệu Quả Của Bí Tích Sám Hối

Bí tích Sám Hối cho chúng ta được làm hòa với Chúa. Đây là ơn phục sinh thiêng liêng, hồi phục tư cách và phẩm giá làm con Thiên Chúa của hối nhân. Ai lãnh nhận bí tích với lòng thống hối chân thành còn cảm nhận được sự bình an và thanh thản trong tâm hồn.

Bí tích Sám Hối còn hòa giải ta với Hội Thánh. Tội lỗi làm tổn thương và có khi bẻ gãy mối hiệp thông huynh đệ. Bí tích Hòa giải khôi phục lại mối hiệp thông đó, và như thế, không những Bí tích chữa lành hối nhân mà còn ảnh hưởng tốt đẹp đến cả Hội Thánh. Đồng thời nhờ sự hiệp thông những của cải thiêng liêng trong Hội Thánh, ta được mạnh sức hơn trên đường về Quê Trời.

Vào buổi xế chiều cuộc sống, mỗi chúng ta sẽ phải ra trước Tòa Chúa. Nhưng ngay từ hôm nay, khi nhận lãnh Bí tích Sám Hối, ta đã ra trước Tòa Chúa, và nhờ ơn Bí tích, ta được ngang qua cõi chết mà vào cõi sống: "Quả thật Ta bảo các người: ai nghe Lời Ta và tin vào Đấng đã sai Ta thì có sự sống đời đời và khỏi đến Tòa phán xét, nhưng đã ngang qua sự chết mà vào sự sống" (Ga 5,24).

VIII. Những Điều Nên Biết

1. *Tội và lòng thương xót của Thiên Chúa*

Thánh Au-Tinh định nghĩa tội là "*Một lời nói, một hành vi, một ước muốn trái với lề luật vĩnh cửu*". Tuy nhiên phải nhìn thấy đằng sau lề luật ấy là giao ước yêu thương giữa con người và Thiên Chúa. Cũng như một người chồng khi phạm tội ngoại tình, anh ta không chỉ vi phạm Luật Hôn Nhân gia đình, nhưng chủ yếu là anh đã xúc phạm đến vợ mình, và giao ước yêu thương hai người đã ký kết. Chính vì thế, tội là sự xúc phạm đến chính Thiên Chúa, là chống lại tình yêu Thiên Chúa dành cho ta, là yêu mình đến độ khinh thị Thiên Chúa. Nhưng cho dẫu con người tội lỗi, Thiên Chúa vẫn thương xót con người. Lòng thương xót ấy được bày tỏ cụ thể nơi Đức Giêsu, nhất là trong cuộc khổ nạn của Người. Suốt cuộc sống công khai, Đức Giêsu không ngừng rao giảng lòng thương xót của Thiên Chúa và ban ơn tha thứ cho tội nhân.

2. *Tội trọng*

Một tội được coi là trọng khi hội đủ ba yếu tố: Phạm một lỗi nặng, có ý thức đầy đủ và cố tình. Lỗi nặng được xác định trong mười điều răn mà Đức Giêsu từng lập lại: Chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, chớ làm hại ai, hãy thảo kính cha mẹ (x.Mc 10,14). Giữa các tội này, có tội nặng hơn và tội nhẹ hơn. Mức độ tội lỗi cũng tùy thuộc vào tương quan của tội nhân với phẩm giá của người bị xúc phạm, nếu hành hung cha mẹ thì nặng tội hơn hành hung người lạ. Có ý thức đầy đủ là biết hành vi đó là tội, trái với luật Thiên Chúa. Nếu thiếu hiểu biết ngoài ý muốn, tội nhân có thể được giảm hoặc miễn trách nhiệm. Nhưng không ai được coi là không biết đến những nguyên tắc của luân lý đã được ghi khắc trong lương tâm của mỗi người. Cố tình là đã biết, suy nghĩ cặn kẽ và ứng thuận.

Nó trở thành một lựa chọn cá nhân, và tội nhân phải chịu trách nhiệm về lựa chọn của mình. Khi phạm tội trọng, con người đánh mất đức mến, tự tước bỏ ơn thánh hóa, tức là tình trạng ân sủng và phần rỗi đời đời bị đe dọa. Tuy nhiên quyền phán xét một con người là quyền thuộc về Thiên Chúa, Đấng công minh và cũng là Đấng giàu lòng xót thương.

3. *Tội nhẹ*

Chúng ta phạm tội nhẹ khi vi phạm luật luân lý trong điều nhẹ, hay lỗi điều nặng nhưng không hoàn toàn hiểu biết hoặc ưng thuận. Tội nhẹ không làm mất ơn thánh hóa, cũng không làm mất phúc thật vĩnh cửu. Tuy nhiên, tội nhẹ làm suy yếu Đức Ái, ngăn cản ta tiến triển trong cuộc thực hành các đức tính và điều thiện. Đồng thời người cố tình phạm tội nhẹ và không sám hối, sẽ đi dần đến chỗ phạm tội trọng và ảnh hưởng đến phần rỗi đời đời. Ngoài ra, Kinh Thánh còn nói tới tội phạm đến Thánh Thần (x.Mc 3,29). Đó là tội cố tình không hối cải và khước từ lòng thương xót của Thiên Chúa, vì thế cũng khước từ sự tha tội và ơn cứu độ do Chúa Thánh Thần ban cho. Không phải là Thiên Chúa không tha thứ, nhưng chính tội nhân tự tách mình ra khỏi lòng thương xót của Ngài, và tự kết án chính mình.

BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN

I. Dẫn Nhập

Hẳn ai trong chúng ta cũng đã ít nhiều có kinh nghiệm về bệnh tật. Lẽ tự nhiên, khi có bệnh, ta đến bác sĩ để chữa trị. Hơn nữa, là người có đức tin, ta tin Chúa Giêsu, là vị thầy thuốc thần linh sẽ chữa lành mọi thương tích trong ta. Bằng việc xức dầu thánh và lời cầu nguyện của Linh mục, Hội Thánh phó thác các bệnh nhân cho Chúa Giêsu, để Ngài an ủi và cứu chữa họ. Qua đó, Hội Thánh cũng mời gọi các bệnh nhân sẵn sàng kết hợp với những đau khổ của Chúa Giêsu, để đền tội, mưu ích cho bản thân và mọi người.

II. Nền Tảng Của Bí Tích Xức Dầu

1. Khởi đi từ bệnh tật trong cuộc sống

Bệnh tật, đau khổ là những thử thách nặng nề trong cuộc sống của con người. Khi lâm bệnh, con người cảm thấy sự “bất lực”, và giới hạn của phận người. Nhiều lúc bệnh tật làm cho con người trở nên bi quan, nghĩ đến cái chết, song đôi khi, bệnh tật là cơ hội giúp ta nhìn lại chính mình, để thay đổi lối nghĩ, thay đổi cuộc sống.

Và thường khi gặp đau khổ, bệnh tật, chúng ta mới nhớ đến Chúa, cần đến Chúa để xin Người vãn an, xin Người cứu chữa, xin người ban cho gặp thầy gặp thuốc...

2. Chúa Giêsu : Vị lương y nhân hậu

Mở lại những trang Tin mừng, chúng ta thấy khi còn tại thế, Chúa Giêsu đã nhiều lần chạnh lòng thương, Ngài đã chạm đến và đã chữa lành biết bao bệnh tật cho con người : cho người mù được thấy, kẻ què được đi, kẻ điếc được nghe, người chết sống lại...

Ngài không chỉ chữa lành bệnh tật, mà còn trao quyền ấy cho các môn đệ, *Ngài sai các ông đi rao giảng, kêu gọi người ta ăn năn sám hối. Các ông đã trừ được nhiều quỷ, xức dầu cho nhiều người đau ốm và chữa họ khỏi bệnh tật* (Mc 6,12-13).

Ngày nay, Chúa Giêsu trao sứ vụ chữa lành bệnh nhân cho Giáo hội. Bởi thế, qua bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân, Hội Thánh cầu nguyện nhân danh Chúa Giêsu, xin Ngài đến hiện diện và chữa lành thể xác và tinh thần cho các tín hữu.

3. Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân

Giáo hội đã tuyên xưng bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân do Chúa Giêsu thiết lập, để nâng đỡ người đau bệnh cả thể xác lẫn tinh thần, được thánh Mác-cô xác nhận trong Tin mừng,¹⁴ và thánh Giacôbê tông đồ công bố trong thư của ngài.¹⁵

III. Người Lãnh Nhận – Thừa Tác Viên – Hiệu Quả Của Bí Tích Xức Dầu Bệnh Nhân

1. Người lãnh nhận

Bí tích này được ban cho những ai mắc bệnh, có tính nguy kịch vì bệnh tật hay già yếu. Do đó, bệnh nhân có thể lãnh bí tích Xức Dầu nhiều lần, bởi sức khoẻ có thể được hồi phục lại sau khi trở bệnh nặng.

Trước khi lãnh nhận bí tích này, bệnh nhân cần được chuẩn bị tâm hồn để xứng đáng lãnh nhận. Những dịp này, nên có mọi người tham dự để trợ giúp và cầu nguyện cho họ.

2. Thừa tác viên

Chỉ có tư tế, tức Giám mục và Linh mục mới là thừa tác viên ban bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân thành sự.

¹⁴ Mc 6,13

¹⁵ Gc 5,14-15

3. Nghi thức Xức Dầu Bệnh Nhân

Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân là một cử hành Phụng vụ cộng đoàn, nên có cộng đoàn tham dự, dù là ở bệnh viện, nhà riêng hay ở nhà thờ. Trong hoàn cảnh cho phép, nên cử hành bí tích Sám Hối trước khi ban bí tích Xức Dầu và liền đó là cho bệnh nhân rước Mình Thánh Chúa.

Trong hoàn cảnh cho phép, nghi thức được cử hành :

- Qui tụ cộng đoàn,
- Cùng với bệnh nhân sám hối,
- Đọc Lời Chúa (có thể chia sẻ về ý nghĩa của bí tích).
- Thừa tác viên thỉnh lạng đặt tay trên bệnh nhân, cầu

xin Chúa ban sức mạnh Thánh Thần. Và dùng ngón cái của tay phải chấm vào dầu Ô liu đã được thánh hiến xức trên trán và lòng bàn tay của bệnh nhân, cùng với lời đọc: *“Nhờ việc xức dầu thánh này, và nhờ lòng từ bi nhân hậu của Chúa, xin Chúa dùng ơn Chúa Thánh Thần mà giúp đỡ con và thương ban cho con thuyên giảm”*.

4. Hiệu quả của bí tích

Ơn sủng lãnh nhận từ Chúa Thánh Thần qua bí tích này là ơn sức mạnh, bình an và can đảm để lướt thắng những đôn đau của bệnh tật hay tuổi già, lướt thắng chước cám dỗ của sa tan; Giúp bệnh nhân tin tưởng, phó thác vào Thiên Chúa trước sự sợ hãi của cái chết đang gần kề, hầu trung thành với Chúa cho đến phút cuối đời.

Tóm lại : Xức Dầu Bệnh Nhân là bí tích chuẩn bị cho cuộc ra đi về nhà Cha của người tín hữu, ban thêm sức mạnh, bình an và can đảm hầu giúp ta lướt thắng mọi trở ngại làm ta xa cách Chúa trong những cơn nguy tử do bệnh tật hay tuổi già.

BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC

I. Dẫn Nhập

Bí tích Truyền Chức Thánh là một trong hai bí tích xây dựng cộng đoàn (Truyền Chức Thánh và Hôn Phối), bởi vì hai bí tích này được lập ra nhằm mang lại ơn cứu độ cho tha nhân và qua đó góp phần cứu độ bản thân. Hai bí tích này vừa trao ban một sứ mệnh đặc biệt trong Hội Thánh vừa xây dựng cộng đoàn Dân Chúa.

Truyền Chức Thánh là bí tích qua đó sứ mạng Đức Kitô đã ủy thác cho các Tông đồ tiếp tục được thực hiện trong Hội Thánh cho đến ngày tận thế; vì thế được gọi là bí tích của thừa tác vụ tông đồ. Bí tích này gồm ba cấp bậc : Giám mục, Linh mục, Phó tế.

II. Tham Dự Vào Chức Tư Tế Của Đức Kitô

1. Chức tư tế chung (phổ quát)

Chúa Kitô là Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người (x. 1Tm 2,5) được Thiên Chúa đặt làm Thượng tế đến muôn đời, vì Người đã làm cho Hội Thánh "*thành một vương quốc, thành những tư tế, để phụng thờ Thiên Chúa*" (Kh 5,10; x. 1,6). "*Thực vậy, những người đã lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy, nhờ sự tái sinh và xúc dầu của Thánh Thần, được thánh hiến để trở thành chỗ ở thiêng liêng, và nhận chức tư tế thánh*" (GH 10). Đây là chức tư tế chung mà tất cả các Kitô hữu tham dự. Cộng đoàn Hội Thánh thi hành chức tư tế chung bằng cách mỗi người tùy ơn gọi riêng tham dự vào sứ mạng của Đức Kitô là Tư Tế, Ngôn Sứ và Vương Đế.

2. Chức tư tế thừa tác (phẩm trật)

Ngay giữa cộng đoàn dân Chúa được bí tích Thánh Tẩy thánh hiến, để lãnh nhận chức tư tế chung, Thiên Chúa còn tuyển chọn một số người lãnh nhận chức tư tế thừa tác, được thánh hiến nhờ một bí tích riêng là bí tích Truyền Chức Thánh. *"Chức tư tế chung của các tín hữu và chức tư tế thừa tác hay phẩm trật, tuy khác nhau không chỉ về cấp bậc mà còn về yếu tính, song cả hai bổ túc cho nhau. Thực vậy, cả hai đều tham dự vào chức tư tế duy nhất của Chúa Kitô theo cách thức riêng của mình"* (GH 10). Chức tư tế thừa tác nhằm phục vụ cộng đoàn dân Chúa, để các tín hữu (có chức tư tế chung) phát huy ân sủng của bí tích Thánh Tẩy. Chúa Kitô là Đầu của Hội Thánh vẫn luôn luôn hiện diện và hành động qua con người và thừa tác vụ của các Linh mục.

Nhờ Bí tích Truyền Chức Thánh, Linh mục nhân danh Chúa Kitô là Đầu. Cho nên trong các cử hành Phụng vụ, Chúa Kitô luôn có mặt và trở thành hữu hình giữa cộng đoàn tín hữu, qua các thừa tác viên và thừa tác vụ của họ. Sự hiện diện của Chúa Kitô trong con người thừa tác viên khi cử hành Phụng vụ, luôn bảo đảm đem lại kết quả thiêng liêng của các bí tích, chứ không lệ thuộc vào tư cách thánh thiện hay bất xứng của thừa tác viên.

Đàng khác, chức tư tế này mang tính thừa tác, nghĩa là để phục vụ. Vì quyền hành chức thánh là quyền của chính Chúa Kitô, nên sử dụng quyền hành này cũng phải theo cách và rập khuôn mẫu của Chúa Kitô, Đấng *"đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người"* (Mc 10,45).

Sau cùng, chức tư tế thừa tác không những đại diện cho Chúa Kitô thủ lãnh, nhưng còn hành động nhân danh toàn thể Hội Thánh, khi dâng lời cầu nguyện của toàn thể dân thánh, và nhất là khi dâng Thánh lễ.

III. Các Cấp Bậc Của Bí Tích Truyền Chức Thánh

Ngay từ đầu, thừa tác vụ của Hội Thánh do Chúa Kitô thiết lập gồm ba bậc : Giám mục, Linh mục và Phó tế. Bậc Phó tế là để giúp đỡ các tư tế là Giám mục và Linh mục. Tuy nhiên, cả ba bậc đều được ban qua bí tích Truyền Chức Thánh.

1. Giám mục

Các Giám mục là những thừa tác viên ở địa vị thứ nhất trong ba bậc của thừa tác vụ thánh. Các Giám mục kế vị các Tông đồ, lãnh nhận chức tư tế tối cao (Thượng tế) và sung mãn, gia nhập giám mục đoàn, và trở thành thủ lãnh hữu hình của Hội Thánh đã được ủy thác. Được hiến thánh qua việc đặt tay cùng với lời nguyện thánh hiến, các Giám mục lãnh nhận ấn tín Chúa Thánh Thần, thay mặt Chúa Kitô với trách nhiệm thánh hóa, giảng dạy và cai quản *"Nhờ Thánh Thần mà các Ngài đã lãnh nhận, các Giám mục trở thành thầy dậy đức tin, thượng tế, chủ chăn thực thụ và chính thức"* (GM 2).

Vì cũng là đại diện Chúa Kitô, và cùng kế vị các Tông đồ, các Giám mục liên kết với nhau thành Giám mục đoàn, dưới quyền lãnh đạo của Giám mục Rôma. Tính cách liên đới trong Giám mục đoàn được biểu lộ qua việc truyền chức thánh cho một Giám mục, và qua việc họp Công đồng chung do Đức Giáo Hoàng triệu tập. Vì thế, mỗi Giám mục ở giáo hội địa phương đều chia sẻ trách nhiệm tông đồ và sứ mạng của toàn thể Hội Thánh. *"Với tư cách là phần tử của Giám mục đoàn, và là người kế vị hợp pháp của Tông đồ, mỗi Giám mục, do sự thành lập và giới lệnh của Chúa Kitô, có bốn phận ân cần sẵn sóc đến toàn thể Hội Thánh"* (GH 23).

2. Linh mục

Bậc thứ hai trong chức tư tế thánh là các Linh mục. Qua bí tích Truyền Chức Thánh, các Linh mục hiệp nhất với chức tư tế sung mãn của Giám mục, và trở thành cộng tác viên trực tiếp của hàng Giám mục, trong việc chu toàn sứ mạng tông đồ do Chúa Kitô ủy thác. *"Nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, Linh mục được thánh hiến theo hình ảnh Chúa Kitô, Thầy cả Thượng phẩm vĩnh viễn để rao giảng Phúc Âm, chữa dứt tín hữu và cử hành việc phụng tự Thiên Chúa, với tư cách tư tế đích thực của Tân Ước"* (GH 28).

Được tham dự vào chức tư tế tối cao của Giám mục, các Linh mục chỉ có thể thi hành thừa tác vụ của mình trong sự phục tùng Giám mục, và hiệp thông với các ngài. Các Linh mục cũng làm thành Linh mục đoàn, dưới quyền lãnh đạo của Giám mục giáo phận. Do đó các Linh mục phải kính trọng, yêu mến và vâng lời Giám mục như những người cộng tác viên, những người con, những anh em và bạn hữu của Giám mục. Ngoài ra, giữa các Linh mục với nhau cần có sự hiệp nhất yêu thương, và giúp đỡ nhau bằng tình huynh đệ do bí tích.

3. Phó tế

Phó tế là bậc sau cùng của bí tích Truyền Chức Thánh. Các Phó tế không lãnh nhận chức tư tế thừa tác, nhưng họ cộng tác với các Giám mục và Linh mục trong việc phục vụ cộng đoàn dân Chúa. Dự phần cách đặc biệt vào sứ mệnh và ân sủng của Chúa Kitô Thượng tế, và với ấn tín của bí tích Truyền Chức Thánh, các Phó tế trở nên giống hình ảnh Chúa Kitô, Tội tử phục vụ mọi người. *"Các Phó tế được cử hành trọng thể Phép Rửa, giữ và trao Mình Thánh Chúa, nhân danh Giáo Hội, chứng kiến và chúc lành hôn phối, mang của ăn dâng cho kẻ hấp hối, đọc Thánh Kinh cho tín hữu, giáo huấn và khuyên nhủ dân chúng, chủ tọa việc phụng tự và kinh*

nguyện của tín hữu, cử hành các Á Bí tích, chủ tọa lễ nghi tang chế và an táng" (GH 29) và hiến thân cho công việc bác ái.

IV. Thừa Tác Viên Và Người Lãnh Bí Tích Truyền Chức

1. Thừa tác viên

Theo Giáo luật, để truyền chức hữu hiệu, thừa tác viên bí tích Truyền Chức Thánh phải là *Giám mục đã được tấn phong*. Vì bí tích Truyền Chức Thánh là bí tích ban thừa tác vụ Tông đồ, nên chỉ các Giám mục với tư cách là những người kế vị các Tông đồ mới có quyền cử hành bí tích này. Ngoài điều kiện hữu hiệu ra, còn nhiều điều kiện cần có để phong chức Giám mục, Linh mục và Phó tế hợp pháp.

2. Người lãnh nhận (Ứng viên)

Chỉ người nam đã lãnh bí tích Thánh Tẩy mới lãnh bí tích Truyền Chức Thánh hữu hiệu. Ngoài ra, còn một số điều kiện khác nhưng chỉ ảnh hưởng tới tính hợp pháp của việc lãnh bí tích Truyền Chức Thánh.

Không ai có quyền đòi lãnh bí tích Truyền Chức Thánh. Không ai được coi mình là xứng đáng với chức vụ này. Phải được Chúa kêu gọi, và luôn ý thức rằng : như mọi ân sủng, bí tích này chỉ được *lãnh nhận như một hồng ân nhưng không*.

V. Cử Hành Bí Tích Truyền Chức Thánh

Vì tầm quan trọng đối với đời sống Hội Thánh địa phương, nếu có thể được nên có nhiều tín hữu tham dự lễ phong chức giám mục, linh mục và phó tế. Nghi lễ phong chức Giám mục, Linh mục và Phó tế đều diễn tiến như nhau và được cử hành trong Thánh lễ.

Nghi thức *chính yếu* của bí tích Truyền Chức Thánh của cả ba cấp bậc là : *Giám mục đặt tay trên đầu tiến chức và đọc lời nguyện phong chức* (lời nguyện tùy theo cấp bậc chức thánh) xin

Thiên Chúa ban cho tiến chức đầy tràn ơn Chúa Thánh Thần và những ân sủng đặc biệt để chu toàn thừa tác vụ sắp lãnh nhận.

Như các bí tích khác, khi cử hành bí tích Truyền Chức Thánh cũng có những nghi thức phụ. Những nghi thức phụ này diễn tả nhiều khía cạnh của ân sủng bí tích.

VI. Hiệu Quả Của Bí Tích Truyền Chức Thánh

1. Ấn tín vĩnh viễn

Nhờ ân sủng đặc biệt của Chúa Thánh Thần, bí tích này làm cho người lãnh nên giống Đức Kitô để trở thành khí cụ phục vụ Hội Thánh Người. Việc tham dự vào chức vụ của Đức Kitô nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, dù được lãnh nhận một lần ở mỗi cấp, cũng in một ấn tín thiêng liêng vĩnh viễn, nên không thể lãnh nhận nhiều lần hay lãnh nhận tạm thời. Dù thế nào, ơn gọi và sứ mạng đã lãnh nhận trong ngày chịu chức thánh vẫn mãi mãi tồn tại.

Chính Đức Kitô hành động và thực hiện ơn cứu độ qua thừa tác viên có chức thánh, nên dù người này bất xứng cũng không ngăn cản được hành động của Đức Kitô.

2. Ôn Chúa Thánh Thần

Ơn riêng Chúa Thánh Thần được ban trong bí tích Truyền Chức Thánh làm cho người lãnh vừa nên giống, vừa nên thừa tác viên của Đức Kitô là Thượng Tế, Thầy Dạy và Mục Tử.

Đứng trước ơn thánh cao cả và chức vụ tư tế, những người lãnh nhận chức thánh luôn được mời gọi hoán cải để sống xứng đáng với Đấng đã dùng bí tích đặt mình làm thừa tác viên của Người.

BÍ TÍCH HÔN PHỐI

I. Dẫn Nhập

"Đấng Tạo Hóa đã thiết lập và ban những định luật riêng cho đời sống chung thân mật và cho cộng đoàn tình yêu vợ chồng. Đời sống chung này được gây dựng do giao ước hôn nhân, nghĩa là sự ưng thuận cá nhân không thể rút lại... Chính Thiên Chúa là Đấng tác tạo hôn nhân, phú bẩm những lợi ích và mục tiêu khác nhau" (MV 48).

"Do hôn ước, người nam và người nữ tạo nên một cộng đồng sống chung suốt đời, tự bản tính hôn ước hướng về thiện ích củ đôi vợ chồng và việc sinh sản cùng giáo dục con cái. Đức Kitô đã nâng hôn ước giữa những người đã lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy lên hàng bí tích" (Gl. 1055).

II. Hôn Nhân Trong Ý Định Của Thiên Chúa

1. *Hôn nhân trong trật tự sáng tạo*

Hôn nhân là sinh hoạt quen thuộc của con người ở mọi nơi và mọi thời. Tuy nhiên, cách nhìn về hôn nhân lại có thể rất khác nhau. Đối với người tín hữu Kitô, hôn nhân không chỉ là chuyện của hai người, nhưng trước hết và trên hết là của chính Thiên Chúa, vì chính Ngài tác tạo hôn nhân (x. MV 48). Chính vì thế, ơn gọi hôn nhân đã được khắc sâu vào bản tính nhân loại, và ẩn bên trong những khác biệt về văn hóa, xã hội, vẫn luôn luôn có những đặc tính chung và thiết yếu cho cuộc sống hôn nhân. Đặc tính ấy là tình yêu bền vững và sự kết hợp bất khả phân ly "người đàn ông lia cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt" (St 2,24); đồng thời mở ra cho sự

sống qua việc sinh sản con cái "Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều cho đầy mặt đất và thống trị mặt đất" (St 1,28).

2. *Hôn nhân dưới ách tội lỗi*

Tuy nhiên, dọc dài lịch sử nhân loại và ngay trong cuộc sống hôm nay, ta lại thường xuyên chứng kiến quá nhiều đổ vỡ của cuộc sống hôn nhân gia đình. Theo cách nhìn của Kinh Thánh, sự đổ vỡ ấy không phát xuất từ bản tính nhân loại, hay từ bản chất của hôn nhân, nhưng từ tội lỗi. Khi con người bẻ gãy mối quan hệ với Thiên Chúa, thì mối quan hệ nam nữ cũng bị tổn thương. Sự hấp dẫn phái tính là hồng ân riêng của Tạo Hoá không còn phải là quan hệ yêu thương thực sự, nhưng đã biến thành quan hệ thống trị và thèm khát (St 3,16). Ôn gọi mở ra với sự sống cũng trở thành nặng nề vì phải đau đớn khi sinh nở và vất vả trong lao công (St 3, 16-19).

3. *Hôn nhân trong Cựu Ước*

Cho dầu con người xa lìa Thiên Chúa, Thiên Chúa vẫn không bỏ rơi con người. Ngài tiếp tục nâng đỡ và giáo dục ý thức luân lý liên quan đến hôn nhân và gia đình. Ý thức đạo đức về sự duy nhất và bất khả phân ly của hôn nhân được phát triển dần trong Cựu Ước. Cho dầu còn bất toàn và phải nhượng bộ "sự cứng lòng của con người" (Mt 19,8), luật Môsê đã giúp bảo vệ người phụ nữ đối với sự thống trị độc đoán của người chồng, cũng như giúp đỡ vợ chồng thoát khỏi xu hướng ích kỷ, đi tìm khoái lạc riêng mình, đồng thời biết mở ra cho một lối sống tự hiến, cho đi. Khi các ngôn sứ đến, các ngài giúp dân Chúa đào sâu ý nghĩa về tính chất duy nhất và bất khả phân ly của hôn nhân (x.Hs 1-3; Is 54, 62). Các tác phẩm trong Cựu Ước như sách Rút, Tôbia, Diễm Ca là những tác phẩm mang tính giáo dục cuộc sống hôn nhân rất cao.

4. Hôn nhân trong Chúa

Chỉ với Đức Giêsu, hôn nhân mới tìm lại được phẩm giá đích thực và trọn vẹn của mình. Tin Mừng ghi nhận Đức Giêsu đã thực hiện dấu lạ đầu tiên trong khung cảnh một tiệc cưới (x. Ga 2, 1-11). Như thế, Ngài xác quyết tình thiện hảo của hôn nhân, và hôn nhân trở thành dấu chỉ hiệu nghiệm cho sự hiện diện của Chúa Kitô. Đồng thời trong giáo huấn của Ngài, Đức Giêsu xác lập lại tính bất khả phân ly của sự kết hợp vợ chồng, vì "*Điều gì Thiên Chúa đã liên kết, con người không được phân ly*" (Mt 19,6). Đòi hỏi này có thể vượt quá sức tự nhiên của con người. Nhưng khi tái lập ý định nguyên thủy của Thiên Chúa về hôn nhân, Đức Giêsu cùng nâng đỡ đôi vợ chồng bằng ân sủng và sức mạnh của Ngài, ân sủng tuôn chảy từ thập giá cứu độ (x. Mt 19, 11). Chính vì thế, Thánh Phaolô đã trình bày giao ước hôn nhân trong mối liên kết với giao ước giữa Chúa Kitô và Hội Thánh (x. Ep 5, 25-26). Hôn nhân trở thành Bí tích của giao ước mới, nghĩa là hôn nhân vừa diễn tả giao ước giữa Chúa Kitô và Hội Thánh, vừa chuyển thông ân sủng để đôi vợ chồng sống ý nghĩa giao ước đó.

III. Sự Ứng Thuận Kết Hôn

Người ký kết giao ước hôn nhân phải là một người nam và một người nữ đã lãnh bí tích Thánh Tẩy, tự do để kết hôn và công khai bày tỏ sự ứng thuận kết hôn. "Tự Do" có nghĩa là : Không bị ép buộc và bị ngăn trở theo luật tự nhiên hay giáo luật.

Trong bí tích Hôn Phối, chính đôi bạn làm nên bí tích khi họ bày tỏ sự ứng thuận này tự do trước Hội Thánh, nghĩa là họ không bị ép buộc bất cứ vì lý do gì, cũng không bị ngăn cản bởi luật tự nhiên hay luật Hội Thánh. Hội Thánh coi việc hai người bày tỏ sự ứng thuận là yếu tố tối cần thiết và làm nên hôn phối. Sẽ không có hôn phối nếu không có sự ứng thuận này. Không có

thế lực nhân loại nào có thể thay thế sự ưng thuận này (x. Gl 1057). Hôn phối không thành sự nếu thiếu tự do.

Linh mục hay Phó tế chủ sự nghi thức Hôn Phối, nhân danh Hội Thánh sẽ đón nhận lời trao đổi ưng thuận của đôi hôn phối, và chúc lành cho họ. Sự hiện diện của thừa tác viên Hội Thánh nói lên ý nghĩa kết hôn là một hành động mang ý nghĩa Hội Thánh. Đồng thời, vì bí tích Hôn phối là một hành vi Phụng vụ, và hôn nhân là một lối sống trong Hội Thánh, nên Hội Thánh yêu cầu đôi bạn cử hành hôn phối theo nghi thức của Hội Thánh. Để cho sự ưng thuận của đôi hôn phối thực sự là hành vi tự do và có trách nhiệm, để cho giao ước hôn nhân có được nền tảng vững chắc và bền vững về mặt nhân bản cũng như tôn giáo, việc chuẩn bị cho các đôi tân hôn là công việc rất quan trọng. Đây là bổn phận không những của các chủ chăn, nhưng còn của các bậc cha mẹ và mọi thành phần dân Chúa.

IV. Nghi Thức Bí Tích Hôn Phối

Chính vì hôn nhân là bí tích của giao ước giữa Chúa Kitô và Hội Thánh, nên hôn lễ của đôi bạn công giáo thường được cử hành trong Thánh lễ, vì Thánh lễ là sự tưởng niệm Giao Ước Mới. Nhờ đó, đôi hôn phối kết hiệp sự hiến dâng cho nhau với hiến tế của Chúa Kitô, và vì cùng thông phần với Mình Máu Chúa Kitô, họ trở nên "một thân mình" trong Chúa Kitô. Vì bí tích là hành động thánh hóa, nên để cử hành bí tích Hôn phối cách xứng đáng và có hiệu quả (THGD 67), đôi hôn phối phải chuẩn bị trước bằng cách lãnh nhận bí tích Hòa giải.

Theo truyền thống, chính đôi hôn phối là thừa tác viên ăn sủng Đức Kitô; họ ban bí tích Hôn Phối cho nhau khi bày tỏ sự ưng thuận kết hôn trước mặt Hội Thánh. Thừa tác viên của Hội Thánh làm chứng cho việc đôi hôn nhân trao đổi lời ưng thuận

kết hôn, nhưng lời chúc hôn của các ngài cũng cần thiết để bí tích thành sự.

V. Hiệu Quả Của Bí Tích Hôn Phối

Sự ưng thuận mà đôi bạn trao cho nhau được chính Thiên Chúa đóng ấn. Như vậy, giao ước hôn nhân hội nhập giao ước giữa Thiên Chúa với con người, và "tình yêu vợ chồng đích thực được kết nhập trong tình yêu Thiên Chúa" (MV 48). Vì thế, sợi giây hôn phối liên kết hai người mãi mãi không bị cắt đứt, và Hội Thánh không có quyền đi ngược lại thánh ý Thiên Chúa. "Chúa Kitô ban dồi dào ân phúc cho tình yêu vợ chồng... Như xưa kia Thiên Chúa đến gặp gỡ dân Ngài bằng một giao ước yêu thương và trung thành; ngày nay Đấng Cứu Thế, Bạn Trăm Năm của Hội Thánh, cũng đến với đôi vợ chồng qua Bí tích Hôn phối. Người còn ở lại với họ để hai vợ chồng mãi mãi trung thành yêu thương nhau bằng sự tự hiến cho nhau, như Người đã yêu thương Hội Thánh và đã nộp mình vì Hội Thánh" (MV 48). Như thế, ân sủng được ban trong bí tích Hôn phối nhằm kiện toàn tình yêu vợ chồng, và kiên cường sự hiệp nhất bất khả phân ly.

VI. Lợi Ích Và Đòi Hỏi Của Bí Tích Hôn Phối

1. Đơn nhất và bất khả phân ly

"*Họ không còn là hai, nhưng chỉ là một thân mình*" (Mt 19,6). Tình yêu hôn nhân liên kết hai người nam nữ thành một, không chỉ trong thân xác, nhưng trong con người toàn diện: thân xác, tình cảm, tinh thần và ý chí. vì thế, sự kết hợp giữa hai người phải mang tính đơn nhất và bất khả phân ly, nghĩa là một vợ một chồng và gắn bó với nhau đến trọn đời. Đòi hỏi này phát sinh từ chính bản chất của tình yêu, nhưng được kiên cường, thanh tẩy và kiện toàn nhờ hiệp thông với Đức Giêsu Kitô. Đòi hỏi đó cũng diễn tả sự bình đẳng nhân vị giữa người nam và

người nữ. Vì thế, chế độ đa thê đi ngược lại với tình yêu hôn nhân đích thực.

2. Trung tín

Ở tự bản chất, hôn nhân gọi mời trung tín. Hơn thế nữa, ích lợi của con cái cũng đòi hỏi đôi vợ chồng phải trung tín với nhau. Nhưng đối với người tín hữu, lý do sâu xa nhất của đòi hỏi này là sự trung tín của chính Thiên Chúa trong giao ước với con người và của Chúa Kitô với Hội Thánh. Nhờ bí tích Hôn phối, đôi vợ chồng khám phá ý nghĩa sâu xa của đòi hỏi trung thành, đồng thời diễn tả ra bên ngoài và làm chứng bằng chính cuộc đời mình. Hội Thánh biết rằng sống được tình yêu trung tín như thế không phải là điều dễ dàng, nhất là trong thời đại hôm nay. Tuy nhiên với ơn Chúa và sự nâng đỡ của cộng đoàn, đôi vợ chồng có thể chia sẻ và làm chứng cho tình yêu trung tín của chính Thiên Chúa và Hội Thánh biết ơn các đôi vợ chồng. Trong một vài trường hợp, khi cuộc sống chung không thể tiếp tục được vì nhiều lý do, Hội Thánh có thể cho phép ly thân. Hai người vẫn là vợ chồng trước mặt Chúa, và hy vọng nhờ tình thần hòa giải, một ngày nào đó, họ có thể tiếp tục cuộc sống chung như trước. Đối với một số đôi hôn phối đã li dị và kết hôn một lần nữa theo luật dân sự, Hội Thánh không nhìn nhận cuộc hôn nhân mới là thành sự, và vì thế, họ không được Rước Lễ, không được thi hành một vài trách nhiệm trong Hội Thánh, và chỉ được lãnh nhận bí tích Hòa giải khi ăn năn sám hối và cương quyết sống tiết dục hoàn toàn. Đồng thời Hội Thánh mong ước các Linh mục và cộng đoàn tín hữu quan tâm chăm sóc những anh chị em sống trong hoàn cảnh khó khăn đó, để họ không mang mặc cảm bị tách rời khỏi Hội Thánh, nhưng tiếp tục tham dự Thánh Lễ, lắng nghe Lời Chúa, kiên trì cầu nguyện và thực thi việc bác ái.

3. Trách nhiệm sinh sản

"Tự bản tính, hôn nhân và tình yêu vợ chồng hướng tới việc sinh sản và giáo dục con cái. Con cái vừa là ân huệ cao quý nhất của hôn nhân, vừa góp phần rất lớn vào hạnh phúc của cha mẹ" (MV 58). Việc sinh sản và giáo dục ở đây không chỉ nhằm đến đời sống thể lý nhưng cả đời sống luân lý, tinh thần và tâm linh của con cái. Vì thế, cha mẹ lãnh nhận trách nhiệm giáo dục rất lớn. Đối với những đôi vợ chồng hiếm muộn, cuộc sống hôn nhân của họ vẫn mang đầy ý nghĩa. Thay cho hoa trái là con cái, hoa trái trong cuộc đời họ là lòng bác ái, sự phục vụ và chính hi sinh của họ.

VII. Sự Phân Ly Vợ Chồng

Nói chung, khi bí tích Hôn Phối đã thành hiệu, giáo luật không chấp nhận giải pháp ly dị, nhưng cho phép ly thân, nghĩa là hai vợ chồng không buộc phải sống chung với nhau tuy vẫn còn ràng buộc bởi dây hôn phối. Một trường hợp ngoại lệ là những đôi hôn nhân chưa hoàn hợp : họ có thể xin Tòa Thánh tháo gỡ dây hôn thú. Ngoài ra, Hội Thánh còn nhờ đặc ân Đức tin để tháo gỡ dây hôn phối cho một số trường hợp hôn phối chưa thành sự.

Khi không thể nào hoà giải một đôi vợ chồng, thì có thể sử dụng những biện pháp sau đây đã được giáo luật dự liệu.

- Xin tuyên bố hôn nhân vô hiệu : thiếu một trong các điều kiện để hôn nhân thành sự.
- Xin miễn chuẩn hôn nhân bất hoàn hợp.
- Xin ly thân.

Dựa vào đặc ân Đức tin để tháo dây hôn phối.

NHỮNG CỬ HÀNH PHỤNG VỤ KHÁC

I. Các Á Bí Tích

1. Định nghĩa

Các Á bí tích là những dấu chỉ thánh, được Hội Thánh thiết lập phần nào phỏng theo những bí tích, để nhờ lời cầu nguyện của Hội Thánh, giúp các tín hữu lãnh nhận các bí tích và thánh hoá những hoàn cảnh đa dạng của cuộc sống.

2. Hình thức đa dạng của Á bí tích

Trước hết là những phép lành, nghi thức trao thừa tác vụ Đọc sách và Giúp lễ, thánh hoá các vật dụng sử dụng trong Phụng vụ (khăn thánh, bàn thờ, toà giảng, tượng ảnh, nhà tạm, chuông mới...), nơi chốn (nhà thờ, nhà nguyện,...) và thánh hoá bữa ăn.

Làm dấu thánh giá, nghi thức trừ quỷ, tôn kính các thánh tích, viếng các đền thờ vào những dịp đặc biệt, hành hương, rước kiệu, viếng đàn thánh giá, đọc kinh Mân Côi, đeo ảnh thánh, rảy nước thánh...

3. Những đặc điểm của các Á bí tích

a. Thánh hoá

Hội Thánh thiết lập các Á bí tích để thánh hoá một số thừa tác vụ trong Hội Thánh, một số bậc sống, những hoàn cảnh đa dạng của đời Kitô hữu.

b. Chúc lành

Các Á bí tích bắt nguồn từ chức tư tế cộng đồng, nên các tín hữu được mời gọi trở nên lời chúc lành của Thiên Chúa cho con người.

4. Phân biệt giữa Bí tích và Á Bí tích

Các Bí tích do Chúa Giêsu thiết lập, còn các Á bí tích do Giáo hội thiết lập. Nên các bí tích quan trọng hơn, vì các Á bí tích góp phần giúp các tín hữu chuẩn bị đón nhận ân sủng của bí tích cách hiệu quả hơn.

Giáo hội tuyên xưng chỉ có 7 bí tích, còn số Á bí tích thì rất nhiều, vì các Á bí tích được Giáo Hội thiết lập do nhu cầu mục vụ.

(Ngoại trừ bí tích Rửa tội) Người lãnh nhận các bí tích phải là tín hữu. Trong khi, các Á bí tích dành cho mọi người, kể cả anh chị em dự tòng, những người không tin Chúa Kitô (lời chúc lành).

II. Nghi Thức An Táng

Đứng trước cái chết, với người đã khuất thì cái chết là sự hoàn tất cuộc đời, để về an hưởng trong nhà Cha; còn với người còn sống, thì đó là cuộc chia ly trong tiếc thương, nhưng tin có ngày đoàn tụ trong Nước Chúa.

Và việc chúng ta có thể làm cho người đã khuất là cầu nguyện và hiệp thông với họ qua nghi thức an táng...

1. Định nghĩa

Nghi thức an táng là cử hành Phụng vụ chính thức, nhằm diễn tả sự hiệp thông giữa cộng đoàn với người đã khuất, đồng thời, diễn tả niềm hy vọng vào ơn phục sinh trong Chúa Kitô.

2. Nghi thức an táng

Nghi thức an táng được cử hành tương ứng với địa điểm tại gia đình nhà hiếu, tại nhà thờ hay tại nghĩa trang nơi phân mộ, gồm:

- Qui tụ, lời chào của chủ sự.
- Phụng vụ Lời Chúa,

- Phụng vụ Thánh Thể,
- Nghi thức từ biệt người quá cố lần cuối và phó dâng linh hồn ấy cho lòng thương xót Chúa.

3. Phân biệt thánh lễ an táng và nghi thức an táng

Thánh lễ an táng là cử hành thánh lễ (cử hành Bí tích Thánh Thể) với các bài đọc, bài lễ về lễ cầu hồn để cộng đoàn cầu nguyện cho người quá cố. Còn nghi thức an táng là những nghi lễ cử hành bên người quá cố tại nhà thờ hay ở gia đình, hoặc ngoài nghĩa trang trước khi chôn cất thi hài người quá cố.

Trong trường hợp, những ngày luật Phụng vụ không cho phép cử hành lễ an táng,¹⁶ nhưng vẫn được phép cử hành nghi thức an táng bên thi hài người quá cố, rồi an táng. Còn thánh lễ cầu hồn được chuyển sang một ngày khác thuận tiện.

Thánh lễ an táng là cử hành Bí tích Thánh Thể, còn nghi thức an táng thuộc về các cử hành Phụng vụ khác.

Như thế,

Khi cử hành Thánh lễ an táng và nghi thức an táng, chúng ta (những người sống) đều diễn tả niềm tin vào Đức Kitô: Chúa của kẻ sống và kẻ chết, thể hiện niềm hy vọng thân xác chúng ta cũng sẽ phục sinh cùng với Đức Kitô vào ngày sau hết.

¹⁶ Theo luật Phụng vụ, trong tuần Tam Nhật Vượt Qua, các Chúa Nhật trong Mùa Phục sinh, không được cử hành lễ an táng.

NỘI DUNG

1. Bản chất và nội dung của Phụng vụ	02
2. Cử hành Phụng vụ của Hội thánh	07
3. Tìm hiểu khái quát về các Bí tích	11
4. Bí tích Thánh Tẩy	18
5. Bí tích Thêm Sức	26
6. Bí tích Thánh Thể	32
7. Bí tích Sám Hối	38
8. Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân	50
9. Bí tích truyền Chức Thánh	53
10. Bí tích Hôn Phối	59
11. Những cử hành Phụng vụ khác	66

Ước chi khi thấy bạn vui cười,
người ta có thể đoán ra rằng :
Chúa Kitô chính là niềm vui của con người.

B. Babin.